

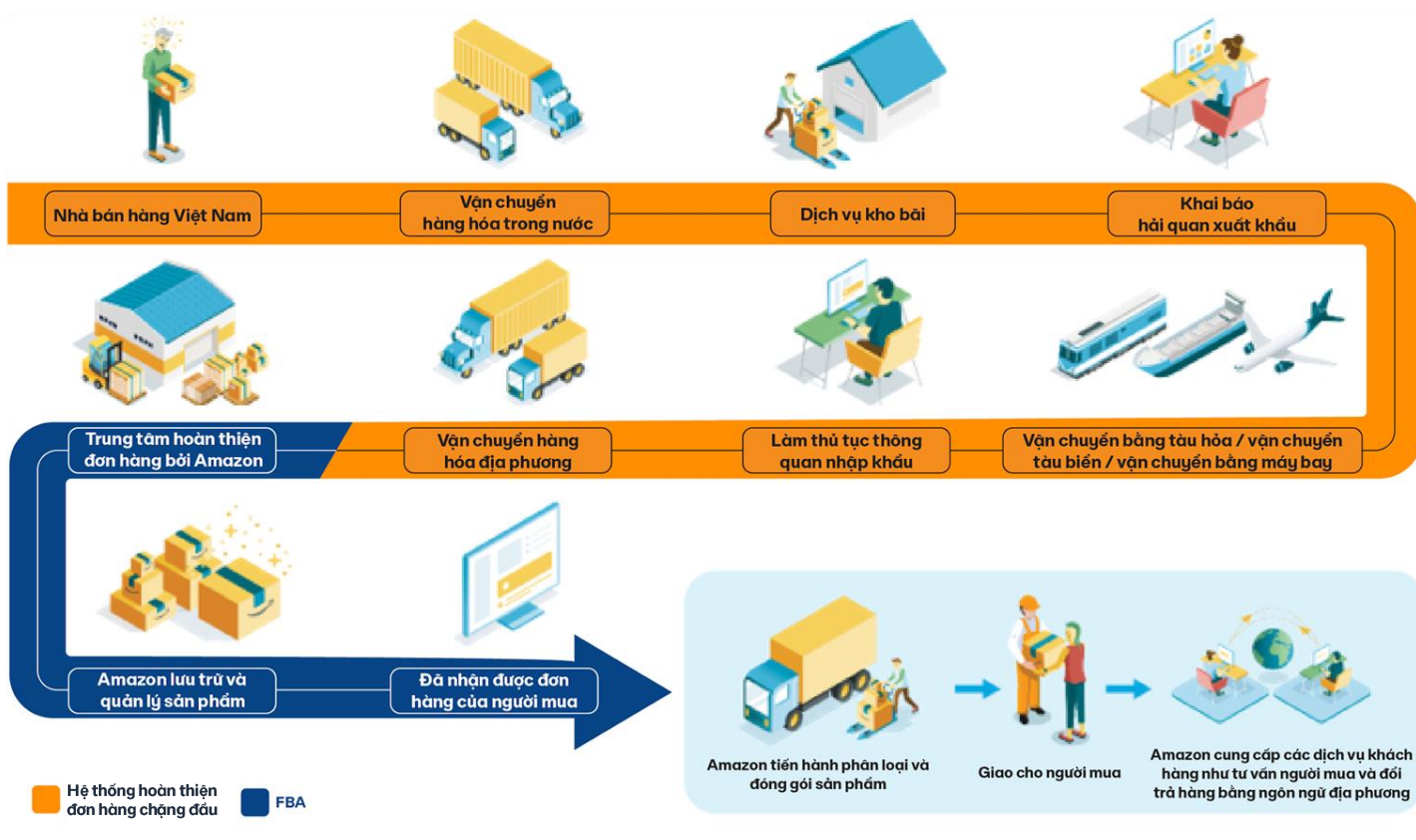
Giới thiệu về Hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon (FBA)

Giới thiệu khái niệm FBA	2
Tổng quan về ưu thế của FBA	4
Tiêu chuẩn thu phí của FBA	6
Giải thích các thuật ngữ sử dụng trong chương	44

1. Giới thiệu khái niệm FBA

1.1 Giới thiệu khái niệm FBA

Dịch vụ Hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon (FBA) có tên gọi đầy đủ là Fulfillment By Amazon. Khi sử dụng FBA, nhà bán hàng sẽ gửi sản phẩm đến Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon và Amazon sẽ chịu trách nhiệm lưu kho. Khi sản phẩm đăng tải được bán ra, Amazon sẽ chịu trách nhiệm hoàn thiện các dịch vụ khách hàng như: phân loại theo đơn đặt hàng, đóng gói và giao hàng, cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan đến sản phẩm cho người mua, đổi trả hàng v.v, để giúp nhà bán hàng tiết kiệm nhân lực, nguồn lực và tài chính. Thông qua hình dưới đây, chắc hẳn bạn sẽ có được góc nhìn cơ bản nhất về quy trình FBA.



Nhìn chung, Hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon (FBA) không chỉ là giải pháp hoàn thiện đơn hàng cần ưu tiên lựa chọn để bắt đầu kinh doanh xuyên quốc gia, mà còn có thể giúp bạn thu hút nhiều người tiêu dùng Amazon toàn cầu hơn, đẩy nhanh tốc độ và quy mô mở rộng kinh doanh.

1.2 Phạm vi kinh doanh

Nhà bán hàng Việt Nam hiện có thể tiếp cận người tiêu dùng ở trên 17 thị trường, với hơn 300 triệu người dùng đang hoạt động, 185 Trung tâm hoàn thiện đơn hàng và hỗ trợ vận chuyển đến hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu. Trên nền tảng này, FBA có thể được ứng dụng cho rộng rãi ở Bắc Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản và các khu vực khác.



Hoa Kỳ



Canada



Mexico



Đức



Anh



Pháp



Ý



Tây Ban Nha



Úc



Ấn Độ



Các Tiểu Vương
Quốc Ả Rập
Thống Nhất



Ả Rập Saudi



Singapore



Hà Lan



Thụy Điển



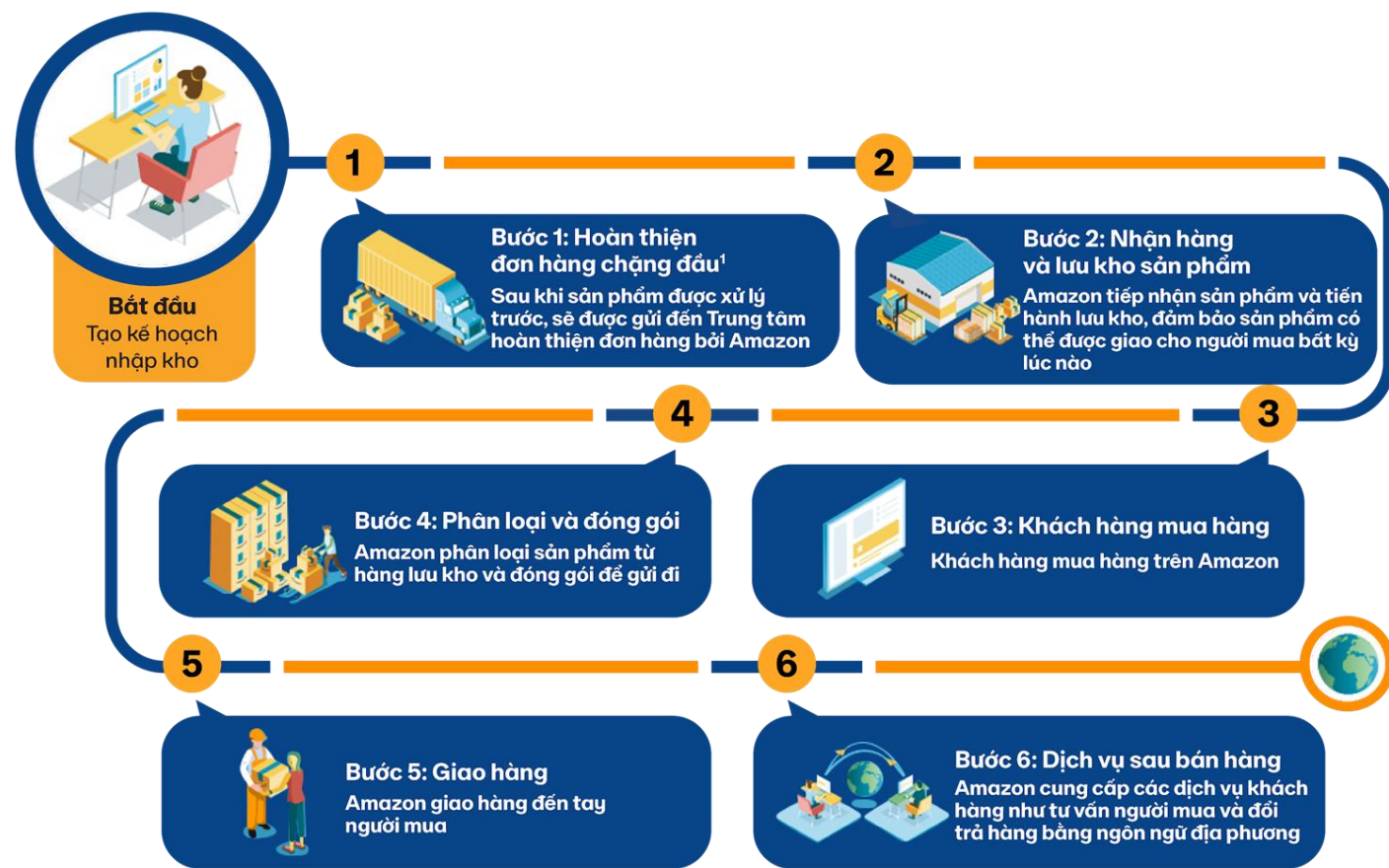
Ba lan



Nhật Bản

1.3 Phương thức hoạt động của FBA

Sau khi đã tìm hiểu về các khái niệm cơ bản và phạm vi kinh doanh của FBA, chúng tôi sẽ tiếp tục giới thiệu cho bạn về phương thức hoạt động của FBA:



1. Hoàn thiện đơn hàng chặng đầu: trong tất cả quá trình Hoàn thiện đơn hàng xuyên quốc gia, hàng hóa được vận chuyển từ quốc gia này sang một quốc gia hoặc khu vực khác bằng đường biển, đường bộ hoặc đường hàng không, khâu này được gọi là hoàn thiện đơn hàng chặng đầu.

2. Tổng quan về ưu điểm của FBA

Sử dụng Hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon (FBA) có thể mang lại cho bạn tiện ích trên nhiều phương diện, chúng tôi sẽ giới thiệu chi tiết cho bạn trong các phần tiếp theo.

2.1 Ưu điểm của FBA là gì?



Ưu điểm 1: Sản phẩm của bạn có thể được miễn phí vận chuyển, giao hàng miễn phí vào ngày hôm sau và các dịch vụ khác của Amazon Prime

Dịch vụ giao hàng miễn phí vào ngày hôm sau được rất nhiều thành viên Amazon Prime yêu thích. Đối với các đơn hàng đủ điều kiện, tất cả người mua trên Amazon đều có thể nhận được dịch vụ vận chuyển miễn phí. Nếu đã tham gia chương trình FBA và đáp ứng đủ yêu cầu của Amazon, sản phẩm của bạn cũng có thể được cung cấp dịch vụ vận chuyển miễn phí.

Các sản phẩm FBA đủ điều kiện sẽ hiển thị logo Amazon Prime để khách hàng biết rằng việc đóng gói, vận chuyển, chăm sóc khách hàng và trả lại đều do Amazon xử lý.



Ưu điểm 2: Người mua có thể tận hưởng dịch vụ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp đáng tin cậy của Amazon 24/7

Đối với các sản phẩm FBA, Amazon cung cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp bằng ngôn ngữ bản địa để giúp nhà bán hàng giải quyết thắc mắc từ người mua, hoàn tiền, trả lại hàng và xử lý các vấn đề khác liên quan đến đơn hàng FBA:

- **Hỗ trợ khách hàng mua sản phẩm FBA:** Người mua có thể liên hệ với bộ phận hỗ trợ khách hàng của Amazon qua điện thoại hoặc email bất kỳ lúc nào, 24/7. Amazon tính phí xử lý hàng trả lại hàng đối với một số danh mục sản phẩm nhất định nhưng không tính thêm phí cho dịch vụ này. Với chương trình FBA, bạn có thể dành thời gian phát triển doanh nghiệp của mình hoặc nghỉ ngơi thay vì phải quản lý dịch vụ khách hàng.
- **Trả lại hàng:** Amazon sẽ chịu trách nhiệm về tất cả dịch vụ khách hàng liên quan đến sản phẩm FBA của bạn. Trung tâm trả hàng trực tuyến (Online Return Center) cung cấp cho khách hàng trang trợ giúp và thông tin chi tiết về cách liên hệ với Amazon khi có thắc mắc. Nếu khách hàng muốn trả lại sản phẩm, Amazon sẽ hướng dẫn họ truy cập vào Trung tâm trả hàng trực tuyến.



Ưu điểm 3: Các giải pháp linh hoạt và đa dạng của chương trình FBA giúp doanh nghiệp của bạn phát triển nhanh chóng

Amazon xem xét một cách toàn diện nhu cầu lưu kho của nhà bán hàng và không đặt ra số lượng sản phẩm tối thiểu bạn có thể gửi đến Trung tâm hoàn thiện đơn hàng. Ngoài ra, Amazon cũng hỗ trợ xử lý rất nhiều công việc, giúp bạn có nhiều thời gian hơn để tập trung vào hoạt động kinh doanh của mình. Với các dịch vụ chuyên nghiệp của FBA, bạn có thể phát triển kinh doanh nhanh chóng mà không cần đầu tư thêm vốn hoặc nhân lực.



Ưu điểm 4: Giúp tăng độ nhận diện sản phẩm và có thêm cơ hội giành Hộp "Ưu đãi nổi bật"

Tham gia chương trình FBA, sử dụng dịch vụ giao hàng nhanh và chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp 24/7 do Amazon cung cấp sẽ giúp sản phẩm của bạn có được sự hài lòng của khách hàng và nhận đánh giá cao hơn. Điều này sẽ làm tăng cơ hội sản phẩm giành được "Ưu đãi nổi bật". Ngoài ra, sản phẩm được đánh giá tốt sẽ có thứ hạng tìm kiếm cao hơn trong trang tìm kiếm, từ đó giúp tăng khả năng tiếp cận với khách hàng.



Ưu điểm 5: Thanh toán theo hạn mức sử dụng

Chương trình FBA áp dụng mô hình trả phí theo hạn mức sử dụng. Do đó, bạn chỉ cần trả phí cho không gian lưu kho mà mình đã dùng và các đơn hàng do Amazon vận chuyển. Phí vận chuyển đã được tính và sẽ không phát sinh thêm bất kỳ khoản phí bổ sung nào đối với dịch vụ giao hàng miễn phí vào ngày hôm sau hoặc dịch vụ vận chuyển miễn phí của Amazon Prime đối với các đơn hàng đủ điều kiện.

3. Tiêu chuẩn thu phí của FBA

Chi phí của FBA được tổ hợp từ 2 mục chính: **chi phí lưu kho và chi phí hoàn thiện đơn hàng**. Ngoài ra, FBA còn có thể cung cấp nhiều dịch vụ trả phí, giúp giảm áp lực kinh doanh như: dán nhãn sản phẩm, nhà bán hàng có thể chọn theo nhu cầu. Sau đây là tổng quan về chi phí của FBA:

Chi phí FBA		Nội dung chi tiết
Chi phí cơ bản	Phí lưu kho	Phí lưu kho hàng tháng
		Phí lưu kho dài hạn
		Thị trường Hoa Kỳ: phí lưu kho vượt hạn mức Thị trường Châu Âu: phí lưu kho vượt hạn mức Thị trường Nhật Bản: phí lưu kho vượt hạn mức
	Phí hoàn thiện đơn hàng	Phí hoàn thiện đơn hàng thông thường
Phí hoàn thiện đơn hàng nguy hiểm		
Chi phí khác	Phí hủy bỏ đơn hàng	Bạn có thể yêu cầu Amazon trả hoặc bỏ hàng lưu kho đang lưu trữ ở Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon, dịch vụ này tính phí theo từng kiện. Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo: Thị trường Hoa Kỳ: trang trợ giúp Thị trường Châu Âu: trang trợ giúp Thị trường Nhật Bản: trang trợ giúp
	Phí xử lý trả hàng	Đối với sản phẩm trả hàng được bán trên Amazon và được cung cấp dịch vụ giao trả miễn phí, Amazon sẽ tính phí xử lý đổi trả hàng FBA. Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo: Thị trường Hoa Kỳ: trang trợ giúp Thị trường Châu Âu: trang trợ giúp Thị trường Nhật Bản: trang trợ giúp
	Phí dịch vụ ngoài chương trình	Nếu hàng lưu kho đến Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon mà chưa qua xử lý ban đầu hoặc dán nhãn thích hợp, Amazon sẽ cung cấp những dịch vụ này. Dịch vụ này được tính phí theo từng kiện. Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo: Thị trường Hoa Kỳ: trang trợ giúp Thị trường Châu Âu: trang trợ giúp Thị trường Nhật Bản: trang trợ giúp

Dịch vụ trả phí tùy chọn FBA		Nội dung chi tiết
Dịch vụ thanh toán tùy chọn	Dịch vụ xử lý trước ¹ FBA	FBA có các yêu cầu về đóng gói và xử lý trước đối với các sản phẩm bạn vận chuyển và lưu kho trong Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon, sau khi kích hoạt dịch vụ xử lý trước của FBA, Amazon sẽ xử lý trước các sản phẩm đáp ứng đủ yêu cầu của bạn và tính phí cho mỗi sản phẩm. Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo: Thị trường Hoa Kỳ: trang trợ giúp Thị trường Châu Âu: trang trợ giúp Thị trường Nhật Bản: trang trợ giúp
	Dịch vụ dán nhãn của FBA	FBA có thể cung cấp dịch vụ dán nhãn cho các sản phẩm cần sử dụng mã vạch Amazon và đáp ứng các yêu cầu sử dụng nhãn dán. Dịch vụ này được tính phí theo từng kiện hàng, mức thu phí 0.3 USD cho mỗi kiện. Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo: Thị trường Hoa Kỳ: trang trợ giúp Thị trường Châu Âu: trang trợ giúp Thị trường Nhật Bản: trang trợ giúp
	Dịch vụ xử lý thủ công	Khi gửi hàng lưu kho đến Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon, nếu nhà bán hàng chọn không cung cấp thông tin về sản phẩm trong thùng, Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon sẽ xử lý thủ công thùng hàng của bạn và sẽ phát sinh chi phí tương ứng. Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo: Thị trường Hoa Kỳ: trang trợ giúp Thị trường Châu Âu: trang trợ giúp Thị trường Nhật Bản: Không có
	Dịch vụ phân phối hàng lưu kho	Khi lên kế hoạch nhập kho, hàng có thể được chia thành nhiều kiện và được gửi đến các Trung tâm hoàn thiện đơn hàng khác nhau. Sử dụng dịch vụ phân phối hàng lưu kho, bạn có thể gửi tất cả hàng hóa đến một Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon, Amazon sẽ hỗ trợ phân phối. Dịch vụ này được tính phí theo từng kiện. Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo: Thị trường Hoa Kỳ: trang trợ giúp Thị trường Châu Âu: Không có Thị trường Nhật Bản: trang trợ giúp
	Dịch vụ đóng gói lại và dịch vụ tân trang hàng hóa FBA	Amazon sẽ tự động đóng gói lại các sản phẩm FBA đủ điều kiện do người mua trả, để có thể bán lại hoặc cung cấp dịch vụ tân trang cho sản phẩm có bao bì bị hư hỏng nhưng vẫn có thể bán. Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo: Thị trường Hoa Kỳ: trang trợ giúp Thị trường Châu Âu: trang trợ giúp Thị trường Nhật Bản: Không có

1. Xử lý ban đầu: Trước khi gửi hàng đến Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon, bạn cần tiến hành xử lý ban đầu sản phẩm, các bước bao gồm đóng gói sản phẩm / kiện hàng, dán nhãn sản phẩm/kiện hàng/pallet v.v.

3.1 Chi phí cơ bản FBA

Sau khi tham gia, phí lưu kho và phí hoàn thiện đơn hàng là chi phí cơ bản FBA tính theo mỗi kiện hàng. Chúng tôi sẽ chia thành ba thị trường là Hoa Kỳ, Châu Âu và Nhật Bản, để giới thiệu chi tiết về kết cấu của phí lưu kho và phí hoàn thiện đơn hàng của FBA.



3.1.1 Thị trường Hoa Kỳ:

Phí lưu kho:

Phí lưu kho được tính theo thể tích không gian lưu kho bình quân ngày¹ (tính bằng đơn vị foot khối) mà bạn đã sử dụng trong Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon. Thông thường, phí lưu kho được tính theo tháng. Sản phẩm lưu trữ ở Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon vượt quá 365 ngày, sẽ tính thêm phí lưu kho dài hạn. Đối với hàng lưu kho bị hạn chế nhưng đã vượt hạn mức, phần vượt hạn mức sẽ tính phí lưu kho vượt hạn mức.

- Phí lưu kho hàng tháng:**

Amazon tính phí lưu kho hàng tháng dựa trên không gian mà hàng lưu kho của bạn đã sử dụng tại Trung tâm hoàn thiện đơn hàng. Từ ngày 1 tháng 4 năm 2024, phí lưu kho hàng tháng đối với các mặt hàng có kích thước tiêu chuẩn sẽ giảm 0,09 USD mỗi foot khối trong mùa thấp điểm (tháng 1 đến tháng 9). Điều chỉnh này sẽ bắt đầu áp dụng cho phí lưu kho tháng 4 năm 2024 và được tính vào tháng 5 năm 2024. Phí lưu kho hàng tháng vào mùa thấp điểm đối với các mặt hàng cỡ lớn/quá khổ (trước đây là quá khổ) và phí lưu trữ hàng tháng vào mùa cao điểm đối với các mặt hàng tiêu chuẩn, cỡ lớn/quá khổ không thay đổi.

	Tháng nhập kho	Hàng kích thước tiêu chuẩn	Hàng cỡ lớn/ quá khổ
Trước ngày 1 tháng 4 năm 2024	Tháng 1-Tháng 9	0,87 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối
	Tháng 10-Tháng 12	2,40 USD mỗi foot khối	1,40 USD mỗi foot khối
Từ ngày 1 tháng 4 năm 2024 trở đi	Tháng 1-Tháng 9	0,78 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối
	Tháng 10-Tháng 12	2,40 USD mỗi foot khối	1,40 USD mỗi foot khối



1. Thể tích trung bình ngày: là không gian trung bình ngày mà hàng lưu kho sử dụng mỗi ngày trong tháng. Công thức tính là chiều dài x chiều rộng x chiều cao chia cho số ngày trong tháng.

● **Phụ phí sử dụng không gian lưu kho**

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2024, Amazon sẽ giới thiệu các mức phí lưu kho chi tiết hơn và tính phụ phí sử dụng không gian lưu kho đối với nhà bán hàng chuyên nghiệp có tỷ lệ sử dụng kho vượt quá 22 tuần. Amazon sẽ không tính phụ phí đối với hàng lưu kho trong khoảng thời gian từ 0 đến 30 ngày. Điều chỉnh này sẽ bắt đầu áp dụng cho phí lưu kho tháng 4 năm 2024 và được tính vào tháng 5 năm 2024.

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 6 năm 2024, các mặt hàng được Kho và Trung tâm phân phối của Amazon (AWD) bổ sung tự động sẽ được miễn phụ phí sử dụng không gian lưu kho. Thay đổi này sẽ bắt đầu áp dụng cho phí lưu kho tháng 6 năm 2024 và được tính vào tháng 7 năm 2024.

Mùa thấp điểm (tháng 1-tháng 9), trước ngày 1 tháng 4 năm 2024						
Tỷ lệ sử dụng kho	Các mặt hàng có kích thước tiêu chuẩn			Các mặt hàng lớn/quá khổ		
	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho	Tổng phí lưu kho hàng tháng	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho	Tổng phí lưu kho hàng tháng
Dưới 26 tuần	0,87 USD mỗi foot khối	Không thu phí	0,87 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối	Không thu phí	0,56 USD mỗi foot khối
26-39 tuần	0,87 USD mỗi foot khối	0,69 USD mỗi foot khối	1,56 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối	0,46 USD mỗi foot khối	1,02 USD mỗi foot khối
Trên 39 tuần	0,87 USD mỗi foot khối	0,94 USD mỗi foot khối	1,81 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối	0,63 USD mỗi foot khối	1,19 USD mỗi foot khối
Nhà bán hàng mới*, nhà bán hàng có tài khoản Cá nhân và nhà bán hàng có thể tích hàng lưu kho trung bình hàng ngày dưới 25 foot khối	0,87 USD mỗi foot khối	Không thu phí	0,87 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối	Không thu phí	0,56 USD mỗi foot khối

Mùa thấp điểm (tháng 1-tháng 9), áp dụng từ ngày 1 tháng 4 năm 2024 trở đi						
Tỷ lệ sử dụng kho	Các mặt hàng có kích thước tiêu chuẩn			Các mặt hàng lớn/quá khổ		
	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho	Tổng ph lưu kho hàng tháng	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho	Tổng phí lưu kho hàng tháng
Dưới 22 tuần	0,78 USD mỗi foot khối	Không thu phí	2,40 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối	Không thu phí	0,56 USD mỗi foot khối
22-28 tuần	0,78 USD mỗi foot khối	0,44 USD mỗi foot khối	2,84 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối	0,23 USD mỗi foot khối	0,79 USD mỗi foot khối
28-36 tuần	0,78 USD mỗi foot khối	0,76 USD mỗi foot khối	3,16 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối	0,46 USD mỗi foot khối	1,02 USD mỗi foot khối
36-44 tuần	0,78 USD mỗi foot khối	1,16 USD mỗi foot khối	3,56 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối	0,63 USD mỗi foot khối	1,19 USD mỗi foot khối
44-52 tuần	0,78 USD mỗi foot khối	1,58 USD mỗi foot khối	3,98 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối	0,76 USD mỗi foot khối	1,32 USD mỗi foot khối
Trên 52 tuần	0,78 USD mỗi foot khối	1,88 USD mỗi foot khối	4,28 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối	1,26 USD mỗi foot khối	1,82 USD mỗi foot khối
Nhà bán hàng mới*, nhà bán hàng có tài khoản Cá nhân và nhà bán hàng có thể tích hàng lưu kho trung bình hàng ngày dưới 25 foot khối	0,78 USD mỗi foot khối	Không thu phí	2,40 USD mỗi foot khối	0,56 USD mỗi foot khối	Không thu phí	0,56 USD mỗi foot khối

Mùa bán hàng cao điểm (tháng 10-tháng 12), áp dụng từ ngày 1 tháng 10 năm 2024 trở đi						
Tỷ lệ sử dụng kho	Các mặt hàng có kích thước tiêu chuẩn			Các mặt hàng lớn/quá khổ		
	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho	Tổng phí lưu kho hàng tháng	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho	Tổng phí lưu kho hàng tháng
Dưới 22 tuần	2,40 USD mỗi foot khối	Không thu phí	2,40 USD mỗi foot khối	1,40 USD mỗi foot khối	Không thu phí	1,40 USD mỗi foot khối
22-28 tuần	2,40 USD mỗi foot khối	0,44 USD mỗi foot khối	2,84 USD mỗi foot khối	1,40 USD mỗi foot khối	0,23 USD mỗi foot khối	1,63 USD mỗi foot khối
28-36 tuần	2,40 USD mỗi foot khối	0,76 USD mỗi foot khối	3,16 USD mỗi foot khối	1,40 USD mỗi foot khối	0,46 USD mỗi foot khối	1,86 USD mỗi foot khối
36-44 tuần	2,40 USD mỗi foot khối	1,16 USD mỗi foot khối	3,56 USD mỗi foot khối	1,40 USD mỗi foot khối	0,63 USD mỗi foot khối	2,03 USD mỗi foot khối
44-52 tuần	2,40 USD mỗi foot khối	1,58 USD mỗi foot khối	3,98 USD mỗi foot khối	1,40 USD mỗi foot khối	0,76 USD mỗi foot khối	2,16 USD mỗi foot khối
Trên 52 tuần	2,40 USD mỗi foot khối	1,88 USD mỗi foot khối	4,28 USD mỗi foot khối	1,40 USD mỗi foot khối	1,26 USD mỗi foot khối	2,66 USD mỗi foot khối
Nhà bán hàng mới*, nhà bán hàng có tài khoản Cá nhân và nhà bán hàng có thể tích hàng lưu kho trung bình hàng ngày dưới 25 foot khối	2,40 USD mỗi foot khối	Không thu phí	2,40 USD mỗi foot khối	1,40 USD mỗi foot khối	Không thu phí	1,40 USD mỗi foot khối

* Nhà bán hàng mới là nhà bán hàng đã gửi lô hàng lưu kho đầu tiên đến Amazon cách đây chưa đầy 52 tuần. Nếu vượt quá 52 tuần, Amazon sẽ tính phụ phí sử dụng không gian lưu kho cho những nhà bán hàng đó dựa trên mức độ sử dụng kho.

● **Phí lưu kho dài hạn**

Bắt đầu từ ngày 15 tháng 2 năm 2024, phí lưu kho dài hạn sẽ được điều chỉnh đối với hàng lưu kho trong khoảng thời gian từ 271 đến 365 ngày. Đối với hàng lưu kho từ 181 đến 270 ngày và hàng lưu kho trên 365 ngày, mức phí vẫn sẽ không thay đổi.

Ngày đánh giá hàng lưu kho	Hàng lưu kho 181-210 ngày	Hàng lưu kho 211-240 ngày	Hàng lưu kho 241-270 ngày	Hàng lưu kho 271-300 ngày	Hàng lưu kho 301-330 ngày	Hàng lưu kho 331-365 ngày	Hàng lưu kho 365 ngày trở lên
Trước ngày 15 tháng 2 năm 2024							
Theo tháng (ngày 15 hàng tháng)	0,5 USD mỗi foot khối (Trừ một số sản phẩm cụ thể)*	1,00 USD mỗi foot khối (Trừ một số sản phẩm cụ thể)*	1,50 USD mỗi foot khối (Ngoại trừ các sản phẩm cụ thể)*	3,80 USD mỗi foot khối	4,00 USD mỗi foot khối	4,20 USD mỗi foot khối	6,90 USD mỗi foot khối hoặc 0,15 USD mỗi mặt hàng (chọn giá trị nào lớn hơn)
Từ ngày 15 tháng 2 năm 2024 trở đi							
Theo tháng (ngày 15 hàng tháng)	0,5 USD mỗi foot khối (Trừ một số sản phẩm cụ thể)*	1,00 USD mỗi foot khối (Ngoại trừ các sản phẩm cụ thể)*	1,50 USD mỗi foot khối (Trừ một số sản phẩm cụ thể)*	5,45 USD mỗi foot khối	5,70 USD mỗi foot khối	5,90 mỗi foot khối	6,90 USD mỗi foot khối hoặc 0,15 USD mỗi mặt hàng (chọn giá trị nào lớn hơn)

* Không bao gồm các sản phẩm được đăng trong danh mục quần áo, giày dép, túi xách, trang sức và đồng hồ.

Phí hoàn thiện đơn hàng:

Phí hoàn thiện đơn hàng FBA được tính theo từng đơn vị sản phẩm và dựa trên kích thước, trọng lượng của sản phẩm. Đầu tiên bạn cần xác định mặt hàng của mình thuộc loại kích thước nào (tiêu chuẩn hay cỡ lớn,..). Sau đó, bạn có thể xem phí hoàn thiện đơn hàng FBA trong bảng bên dưới. Hoặc bạn cũng có thể tham khảo [Trang trợ giúp](#) trên Seller Central để biết thêm chi tiết.

- **Phân loại kích thước sản phẩm và mức phí thay đổi**

Bắt đầu từ ngày 5 tháng 2 năm 2024, hàng tiêu chuẩn cỡ nhỏ sẽ được phân loại tính phí theo gia số 2 ounce, hàng tiêu chuẩn cỡ lớn từ 1-20 pound sẽ được phân loại tính phí theo gia số 4 ounce. Những thay đổi này không áp dụng cho các sản phẩm may mặc. Ngoài ra, hàng quá khổ cỡ nhỏ, trung bình, lớn và đặc biệt sẽ được thay thế bằng hàng kích thước lớn và cực lớn với các định nghĩa về trọng lượng, kích thước mới. Bạn có thể xem định nghĩa của từng loại kích thước trong bảng bên dưới. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo [Trang phân loại kích thước sản phẩm](#).

Phân loại kích thước sản phẩm	Trọng lượng sản phẩm hoặc trọng lượng theo kích thước (chọn thông số lớn hơn để tính phí)*	Cạnh dài nhất	Cạnh trung bình	Cạnh ngắn nhất	Chiều dài + chu vi
Hàng tiêu chuẩn cỡ nhỏ	Tối đa 16 ounce	Tối đa 15 inch	Tối đa 12 inch	Tối đa 0,75 inch	Không áp dụng
Hàng tiêu chuẩn cỡ lớn	Tối đa 20 pound	Tối đa 18 inch	Tối đa 14 inch	Tối đa 8 inch	Không áp dụng
Hàng kích thước lớn	Tối đa 50 pound	Tối đa 59 inch	Tối đa 33 inch	Tối đa 33 inch	Tối đa 130 inch
Hàng kích thước cực lớn từ 0 đến 50 pound	Tối đa 50 pound	Sản phẩm được phân loại là hàng kích thước cực lớn nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau: - Cạnh dài nhất trên 59 inch, cạnh dài trung bình trên 33 inch, cạnh ngắn nhất trên 33 inch - Chiều dài + chu vi vượt quá 130 inch - Trọng lượng thực tế hoặc trọng lượng tính theo kích thước (trọng lượng thể tích) lớn hơn 50 pound.			
Hàng kích thước cực lớn từ 50 đến 70 pound (không bao gồm 50 pound)	50 đến 70 pound (Không bao gồm 50 pound)				
Hàng kích thước cực lớn từ 70 đến 150 pound (Không bao gồm 70 pound)	70 đến 150 pound (Không bao gồm 70 pound)				
Hàng kích thước cực lớn từ 150 pound trở lên (Không bao gồm 150 pound)	Trên 150 pound				

Đối với các mặt hàng có kích thước tiêu chuẩn cỡ lớn, hàng kích thước lớn và hàng cực lớn (ngoại trừ hàng cực lớn trên 150 pound), Amazon sẽ tính phí hoàn thiện đơn hàng dựa trên trọng lượng thực tế hoặc trọng lượng theo kích thước (trọng lượng thể tích) của sản phẩm (chọn thông số lớn hơn để tính phí). Còn với các sản phẩm có kích thước tiêu chuẩn cỡ nhỏ và các sản phẩm rất lớn nặng hơn 150 pound, Amazon sẽ tính phí dựa trên trọng lượng thực tế của sản phẩm.

● **Phí hoàn thiện đơn hàng FBA (ngoại trừ sản phẩm may mặc)**

Từ ngày 5 tháng 2 năm 2024, Amazon sẽ áp dụng bảng giá mới, chi tiết hơn cho các sản phẩm kích thước tiêu chuẩn, đồng thời thêm phân loại hàng kích thước lớn và cực lớn. Bắt đầu từ ngày 15 tháng 4 năm 2024, phí hoàn thiện đơn hàng FBA đối với các mặt hàng tiêu chuẩn và số lượng lớn sẽ giảm. Trong bảng giá dưới đây, một số mức phí sẽ được áp dụng từ ngày 5 tháng 2 năm 2024 và một số khác sẽ áp dụng từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Phí hoàn thiện đơn hàng FBA cho sản phẩm kích thước tiêu chuẩn năm 2024 (ngoại trừ sản phẩm may mặc)						
Phân loại kích thước	Trọng lượng vận chuyển	Từ ngày 15 tháng 1 đến ngày 4 tháng 2 năm 2024	Phân loại kích thước	Trọng lượng vận chuyển	Từ ngày 5 tháng 2 đến ngày 14 tháng 4 năm 2024	Từ ngày 14 tháng 4 năm 2024 trở đi
Hàng tiêu chuẩn cỡ nhỏ	Không quá 4 ounce	3,22 USD	Hàng tiêu chuẩn cỡ nhỏ	Không quá 2 ounce	3,22 USD	3,06 USD
				2 đến 4 ounce (Không bao gồm 2 ounce)	3,31 USD	3,15 USD
	4 đến 8 ounce (Không bao gồm 4 ounce)	3,40 USD		4 đến 6 ounce (Không bao gồm 4 ounce)	3,40 USD	3,24 USD
				6 đến 8 ounce (Không bao gồm 6 ounce)	3,49 USD	3,33 USD
	8 đến 12 ounce (Không bao gồm 8 ounce)	3,58 USD		8 đến 10 ounce (Không bao gồm 8 ounce)	3,58 USD	3,43 USD
				10 đến 12 ounce (Không bao gồm 10 ounce)	3,68 USD	3,53 USD
	12 đến 16 ounce (Không bao gồm 12 ounce)	3,77 USD		12 đến 14 ounce (Không bao gồm 12 ounce)	3,77 USD	3,60 USD
				14 đến 16 ounce (Không bao gồm 10 ounce)	3,82 USD	3,65 USD
Hàng tiêu chuẩn cỡ lớn	Không quá 4 ounce	3,86 USD	Hàng tiêu chuẩn cỡ lớn	Không quá 4 ounce	3,86 USD	3,68 USD
	4 đến 8 ounce (Không bao gồm 4 ounce)	4,08 USD		4 đến 8 ounce (Không bao gồm 4 oz)	4,08 USD	3,90 USD
	8 đến 12 ounce (Không bao gồm 8 ounce)	4,24 USD		8 đến 12 ounce (Không bao gồm 8 oz)	4,32 USD	4,15 USD
	12 đến 16 ounce (Không bao gồm 12 ounce)	4,75 USD		12 đến 16 ounce (Không bao gồm 12 oz)	4,75 USD	4,55 USD
	1 đến 1,5 pound (Không bao gồm 1 pound)	5,40 USD		1 đến 1,25 pound (Không bao gồm 1 pound)	5,19 USD	4,99 USD
				1,25 đến 1,5 pound (Không bao gồm 1,25 pound)	5,57 USD	5,37 USD
	1,5 đến 2 pound (Không bao gồm 1,5 pound)	5,69 USD		1,5 đến 1,75 pound (Không bao gồm 1,5 pound)	5,75 USD	5,52 USD
				1,75 đến 2 pound (Không bao gồm 1,75 pound)	6,00 USD	5,77 USD
	2 đến 2,5 pound (Không bao gồm 2 pound)	6,10 USD		2 đến 2,25 pound (Không bao gồm 2 pound)	6,10 USD	5,87 USD
				2,25 đến 2,5 pound (Không bao gồm 2,25 pound)	6,28 USD	6,05 USD
	2,5 đến 3 pound (Không bao gồm 2,5 pound)	6,39 USD		2,5 đến 2,75 pound (Không bao gồm 2,5 pound)	6,45 USD	6,21 USD
				2,75 đến 3 pound (Không bao gồm 2,75 pound)	6,86 USD	6,62 USD
	3 đến 20 pound (Không bao gồm 3 pound)	7,17 USD + 0,16 USD cho mỗi nửa pound tăng thêm khi vượt quá 3 pound đầu tiên		3 đến 20 pound (Không bao gồm 3 pound)	7,25 USD + 0,08 USD cho mỗi 4 ounce tăng thêm sau khi vượt quá 3 pound đầu tiên	6,92 USD + 0,08 USD cho mỗi 4 ounce tăng thêm sau khi vượt quá 3 pound đầu tiên

Phí hoàn thiện đơn hàng FBA cho các sản phẩm kích thước vượt tiêu chuẩn (ngoại trừ hàng may mặc) từ ngày 15 tháng 1 năm 2024 đến ngày 4 tháng 2 năm 2024		
Phân loại kích thước	Trọng lượng vận chuyển	Từ ngày 15 tháng 1 đến ngày 4 tháng 2 năm 2024
Quá khổ cỡ nhỏ	70 pound trở xuống	9,73 USD + 0,42 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên
Quá khổ cỡ trung	150 pound trở xuống	19,05 USD + 0,42 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên
Quá khổ cỡ lớn	150 pound trở xuống	89,98 USD + 0,83 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 90 pound đầu tiên
Quá khổ đặc biệt	Trên 150 pound	158,49 USD + 0,83 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 90 pound đầu tiên

Phí hoàn thiện đơn hàng FBA cho các sản phẩm kích thước vượt tiêu chuẩn (không bao gồm hàng may mặc) sau ngày 5 tháng 2 năm 2024			
Phân loại kích thước	Trọng lượng vận chuyển	Từ ngày 5 tháng 2 đến ngày 14 tháng 4 năm 2024	Từ ngày 14 tháng 4 năm 2024 trở đi
Kích thước lớn	0-50 pound	9,73 USD + 0,42 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên	9,61 USD + 0,38 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên
Kích thước cực lớn từ 0 đến 50 pound	0-50 pound	26,33 USD + 0,38 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên	26,33 USD + 0,38 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên
Kích thước cực lớn từ 50 đến 70 pound (Không bao gồm 50 pound)	50 đến 70 pound (Không bao gồm 50 pound)	40,12 USD + 0,75 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 51 pound đầu tiên	40,12 USD + 0,75 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 51 pound đầu tiên
Kích thước cực lớn từ 70 đến 150 pound (Không bao gồm 70 pound)	70 đến 150 pound (Không bao gồm 70 pound)	54,81 USD + 0,75 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 71 pound đầu tiên	54,81 USD + 0,75 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 71 pound đầu tiên
Kích thước cực lớn từ 150 pound trở lên (Không bao gồm 150 pound)	150 pound trở lên (Không bao gồm 150 pound)	194,95 USD + 0,19 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 151 pound đầu tiên	194,95 USD + 0,19 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 151 pound đầu tiên

*Trọng lượng vận chuyển đối với hàng tiêu chuẩn cỡ nhỏ và hàng cực lớn trên 150 pound được tính dựa trên trọng lượng thực tế của sản phẩm đó. Đối với tất cả các sản phẩm có kích thước khác, Amazon sẽ so sánh trọng lượng sản phẩm với trọng lượng theo kích thước (trọng lượng thể tích) và chọn thông số lớn hơn để tính phí.

• **Phí vận chuyển hàng nguy hiểm**

Phí FBA được tính riêng đối với hàng hóa nguy hiểm cần xử lý và lưu trữ đặc biệt. Để biết thêm thông tin, bạn có thể xem [Chương trình FBA dành cho hàng hóa nguy hiểm](#) và [Hướng dẫn nhận dạng hàng hóa nguy hiểm](#).

Từ ngày 5 tháng 2 năm 2024, một bảng giá mới chi tiết hơn sẽ được áp dụng cho các mặt hàng có kích thước tiêu chuẩn, đồng thời giới thiệu các phân khúc hàng kích thước lớn và cực lớn. Bắt đầu từ ngày 15 tháng 4 năm 2024, phí thực hiện FBA đối với các mặt hàng tiêu chuẩn và số lượng lớn sẽ giảm. Trong bảng giá dưới đây, một số mức phí sẽ được áp dụng từ ngày 5 tháng 2 năm 2024 và một số khác sẽ áp dụng từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Phí hoàn thiện đơn hàng FBA cho sản phẩm kích thước tiêu chuẩn năm 2024						
Phân loại kích thước	Trọng lượng vận chuyển	Từ ngày 15 tháng 1 đến ngày 4 tháng 2 năm 2024	Phân loại kích thước	Trọng lượng vận chuyển	Từ ngày 5 tháng 2 đến ngày 14 tháng 4 năm 2024	Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 4 năm 2024
Hàng tiêu chuẩn cỡ nhỏ	Không quá 4 ounce	4,19 USD	Hàng tiêu chuẩn cỡ nhỏ	Không quá 2 ounce	4,19 USD	4,03 USD
				2 đến 4 ounce (Không chứa 2 oz.)	4,25 USD	4,09 USD
	4 đến 8 ounce (Không chứa 4 oz.)	4,48 USD		4 đến 6 ounce (Không chứa 4 oz.)	4,32 USD	4,16 USD
				6 đến 8 ounce (Không chứa 6 oz.)	4,38 USD	4,22 USD
	8 đến 12 ounce (Không chứa 8 oz.)	4,64 USD		8 đến 10 ounce (Không chứa 8 oz.)	4,45 USD	4,30 USD
				10 đến 12 ounce (Không chứa 10 oz.)	4,51 USD	4,36 USD
	12 đến 16 ounce (Không chứa 12 oz.)	4,37 USD		12 đến 14 ounce (Không chứa 12 oz.)	4,58 USD	4,41 USD
				14 đến 16 ounce (Không chứa 10 oz.)	4,64 USD	4,47 USD
Hàng tiêu chuẩn cỡ lớn	Không quá 4 ounce	4,64 USD	Hàng tiêu chuẩn cỡ lớn	Không quá 4 ounce	4,68 USD	4,50 USD
	4 đến 8 ounce (Không chứa 4 oz.)	4,89 USD		4 đến 8 ounce (Không chứa 4 oz.)	4,89 USD	4,71 USD
	8 đến 12 ounce (Không chứa 8 oz.)	5,03 USD		8 đến 12 ounce (Không chứa 8 oz.)	5,11 USD	4,94 USD
	12 đến 16 ounce (Không chứa 12 oz.)	5,34 USD		12 đến 16 ounce (Không chứa 12 oz.)	5,34 USD	5,14 USD
	1 đến 1,5 pound (Không chứa 1 pound)	6,00 USD		1 đến 1,25 pound (Không chứa 1 pound)	5,79 USD	5,59 USD
				1,25 đến 1,5 pound (Không chứa 1,25 pound)	6,17 USD	5,97 USD
	1,5 đến 2 pound (Không chứa 1,5 pound)	6,29 USD		1,5 đến 1,75 pound (Không chứa 1,5 pound)	6,35 USD	6,12 USD
				1,75 đến 2 pound (Không chứa 1,75 pound)	6,49 USD	6,26 USD
	2 đến 2,5 pound (Không chứa 2 pound)	6,56 USD		2 đến 2,25 pound (Không chứa 2 pound)	6,56 USD	6,33 USD
				2,25 đến 2,5 pound (Không chứa 2,25 pound)	6,74 USD	6,51 USD
	2,5 đến 3 pound (Không chứa 2,5 pound)	6,86 USD		2,5 đến 2,75 pound (Không chứa 2,5 pound)	6,91 USD	6,67 USD
				2,75 đến 3 pound (Không chứa 2,75 pound)	7,32 USD	7,08 USD
	3 đến 20 pound (Không chứa 3 pound)	7,63 USD + 0,16 USD cho mỗi nửa pound tăng thêm sau khi vượt quá 3 pound đầu tiên			3 đến 20 pound (Không chứa 3 pound)	7,71 USD + 0,08 USD cho mỗi 4 ounce tăng thêm sau khi vượt quá 3 pound đầu tiên

Phí xử lý hàng hóa nguy hiểm vượt tiêu chuẩn từ ngày 15/01/2024 đến ngày 04/02/2024		
Phân loại kích thước	Trọng lượng vận chuyển	Từ ngày 15 tháng 1 đến ngày 4 tháng 2 năm 2024
Hàng quá khổ cỡ nhỏ	Không vượt quá 70 pound	10,48 USD + 0,42 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên
Hàng quá khổ cỡ vừa	Không vượt quá 150 pound	19,92 USD + 0,42 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên
Hàng quá khổ cỡ lớn	Không vượt quá 150 pound	101,91 USD + 0,83 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 90 pound đầu tiên
Hàng quá khổ đặc biệt	Trên 150 pound	179,28 USD + 0,83 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 90 pound đầu tiên

Phí FBA đối với hàng hóa nguy hiểm vượt tiêu chuẩn sau ngày 05/02/2024			
Phân loại kích thước	Trọng lượng vận chuyển	Từ ngày 5 tháng 2 đến ngày 14 tháng 4 năm 2024	Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 4 năm 2024
Kích thước lớn	0 đến 50 pound	10,48 USD + 0,42 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên	10,33 USD + 0,38 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên
Kích thước cực lớn: 0 đến 50 pound	0 đến 50 pound	28,44 USD + 0,38 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên	28,44 USD + 0,38 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên
Kích thước cực lớn: 50 đến 70 pounds (không bao gồm 50 pound)	50 đến 70 pound (Không bao gồm 50 pound)	43,33 USD + 0,75 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 51 pound đầu tiên	43,33 USD + 0,75 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 51 pound đầu tiên
Kích thước cực lớn: 70 đến 150 pound (Không bao gồm 70 bảng)	70 đến 150 pound (Không bao gồm 70 pound)	61,94 USD + 0,75 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 71 pound đầu tiên	61,94 USD + 0,75 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 71 pound đầu tiên
Kích thước cực lớn: 150 pound trở lên. (Không bao gồm 150 pound)	150 pound trở lên (Không bao gồm 150 pound)	219,53 USD + 0,19 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 151 pound đầu tiên	219,53 USD + 0,19 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 151 pound đầu tiên

*Trọng lượng vận chuyển đối với hàng tiêu chuẩn cỡ nhỏ và hàng cực lớn trên 150 pound được tính dựa trên trọng lượng thực tế của sản phẩm đó. Đối với tất cả các sản phẩm có kích thước khác, Amazon sẽ so sánh trọng lượng sản phẩm với trọng lượng theo kích thước (trọng lượng thể tích) và chọn thông số lớn hơn để tính phí. Để biết thêm chi tiết, bạn có thể xem thêm mục Phân loại kích thước sản phẩm.

Lưu ý:

- **Thế nào là hàng hóa nguy hiểm?**

Sản phẩm hàng hóa nguy hiểm (còn được gọi là hàng nguy hiểm, viết tắt là Hazmat) là chỉ bất kỳ vật chất hoặc vật liệu nào có chứa các chất dễ cháy, khí nén, chất ăn mòn hoặc bất kỳ chất độc hại nào khác, có đe dọa đến sức khỏe, an toàn của con người, tài sản hoặc môi trường trong quá trình lưu trữ, xử lý hoặc vận chuyển, có thể bao gồm nhiều sản phẩm tiêu dùng như nước hoa, mỹ phẩm làm đẹp, chất tẩy rửa gia dụng và sơn xịt v.v.



(Chất dễ cháy)



(Chất có
khả năng phát nổ)



(Chất dễ ăn mòn)



(Chất phóng xạ)

(Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập [Chương trình hàng hóa Nguy hiểm \(vật chất nguy hiểm\) FBA](#) và [Hướng dẫn nhận dạng hàng nguy hiểm.](#))

- **Trong trường hợp nào có thể giao hàng nguy hiểm?**

Trước khi công bố các sản phẩm FBA, hãy chắc chắn rằng bạn đã tìm hiểu xem những danh mục nào phù hợp để sử dụng quy trình hoàn thiện đơn hàng của Amazon và sản phẩm nào không phù hợp. Để biết chi tiết, vui lòng truy cập [FBA Dangerous Goods programme \(hazmat\) \(các hạn chế về sản phẩm của FBA\)](#), để tìm hiểu sản phẩm của bạn có phù hợp với các quy định về hoàn thiện đơn hàng FBA hay không hoặc bạn phải thực hiện trước thủ tục nào để sản phẩm trở thành sản phẩm hợp lệ.

- **Phí dịch vụ FBA cho hàng giá trị thấp (Low-price FBA rates)**

Các sản phẩm có giá dưới 10 USD sẽ tự động đủ điều kiện để hoàn thiện đơn hàng với mức phí thấp trên Amazon và nhận được tốc độ giao hàng tương tự như các sản phẩm FBA tiêu chuẩn. Phí FBA cho các sản phẩm giá trị thấp sẽ thấp hơn 0,77 USD so với phí FBA tiêu chuẩn. Đối với khách hàng Amazon Prime, các sản phẩm tham gia chương trình Giảm giá dịch vụ FBA cho hàng giá trị thấp sẽ đủ điều kiện được giao hàng miễn phí. Còn khách hàng thông thường sẽ được cung cấp dịch vụ vận chuyển tiêu chuẩn. Bạn có thể xem thêm [Phí FBA đối với sản phẩm giá trị thấp](#) để biết thông tin chi tiết.

- **Phí hàng lưu kho ở mức thấp (Low-inventory-level fee)**

Phí này được tính cho sản phẩm kích thước tiêu chuẩn và áp dụng đối với các mặt hàng có mức lưu kho quá thấp so với số lượng sản phẩm bán ra trong một khoảng thời gian dài. Mức lưu kho quá thấp sẽ cản trở việc lưu thông hàng hóa trong hệ thống Hoàn thiện đơn hàng của Amazon, ảnh hưởng đến tốc độ giao hàng và tăng chi phí vận chuyển. **Nhà bán hàng có thể tránh phát sinh khoản phí này nếu duy trì đủ hàng lưu kho cho hơn 4 tuần bán hàng.**

Amazon chỉ tính phí hàng lưu kho ở mức thấp cho nhà bán hàng khi số ngày cung ứng lưu kho trong dài hạn (90 ngày qua) và ngắn hạn (30 ngày qua) đều dưới 28 ngày (4 tuần). Ví dụ, nếu một sản phẩm có số ngày cung ứng lưu kho trong ngắn hạn trên 28 ngày nhưng số ngày cung ứng lưu kho dài hạn dưới 28 ngày thì sản phẩm đó sẽ không bị tính phí hàng lưu kho ở mức thấp.

Phí hàng lưu kho ở mức thấp từ ngày 1 tháng 4 năm 2024				
Phân loại kích thước sản phẩm	Trọng lượng vận chuyển	Phí hàng lưu kho ở mức thấp		
		Số ngày cung ứng lưu kho trong quá khứ 0-14 ngày	Số ngày cung ứng lưu kho trong quá khứ 14-21 ngày	Số ngày cung ứng lưu kho trong quá khứ 21-28 ngày
Hàng tiêu chuẩn cỡ nhỏ	Không quá 16 ounce	0,89 USD	0,63 USD	0,32 USD
Hàng tiêu chuẩn cỡ lớn	Không quá 3 pound	0,97 USD	0,70 USD	0,36 USD
Hàng tiêu chuẩn cỡ lớn	3 đến 20 pound (không bao gồm 3 pound)	1,11 USD	0,87 USD	0,47 USD

Phí hàng lưu kho ở mức thấp sẽ được miễn nếu bạn đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đối với tài khoản bán hàng chuyên nghiệp mới, khoản phí này được miễn trong vòng 365 ngày sau khi Trung tâm hoàn thiện đơn hàng của Amazon nhận được lô hàng lưu kho đầu tiên
2. Đối với ASIN gốc mới, khoản phí này sẽ được miễn trong vòng 180 ngày sau khi Trung tâm hoàn thiện đơn hàng nhận được lô hàng lưu kho đầu tiên. Nhà bán hàng cần tham gia Chương trình Ưu đãi sản phẩm FBA mới để được hưởng lợi ích này.
3. Khoản phí này được miễn đối với các sản phẩm sử dụng tính năng bổ sung hàng lưu kho tự động của Amazon

3.1.2 Thị trường Châu Âu:



Inventory storage fee (Phí lưu kho)

Phí lưu kho được tính theo thể tích bình quân ngày mà hàng lưu kho của bạn chiếm dụng trong Trung tâm hoàn thiện đơn hàng (được đo bằng foot khối). Thông thường, phí lưu kho được tính theo tháng. Hàng hoá lưu trữ tại Trung tâm hoàn thiện đơn hàng vượt quá 365 ngày sẽ bị phụ thu phí lưu kho dài hạn. Còn hàng lưu kho vượt ngoài hạn mức lưu kho quy định thì sẽ bị tính thêm phí hàng tồn thặng dư.

- **Phí lưu kho hàng tháng**

Amazon sẽ tính phí lưu kho hàng tháng dựa trên không gian lưu kho mà hàng hóa của bạn đã sử dụng tại Trung tâm hoàn thiện đơn hàng. Kể từ ngày 1 tháng 3 năm 2024, Amazon sẽ tăng phí lưu kho hàng tháng từ tháng 1 đến tháng 9 đối với hàng kích thước lớn và các mặt hàng thuộc danh mục quần áo, giày dép và túi xách ở thị trường Châu Âu. Phí lưu kho hàng tháng đối với tất cả các mặt hàng (trừ hàng hóa nguy hiểm) từ tháng 10 đến tháng 12 cũng sẽ tăng. Điều chỉnh này sẽ bắt đầu áp dụng cho phí lưu kho trong tháng 3 năm 2024 được tính vào tháng 4 năm 2024.

	Tháng lưu kho	Hàng kích thước tiêu chuẩn thuộc danh mục Quần áo, Giày dép & Túi xách (mỗi foot khối/tháng)	Hàng kích thước tiêu chuẩn thuộc các danh mục khác (mỗi foot khối/tháng)	Hàng kích thước lớn, không bao gồm hàng nguy hiểm (mỗi foot khối/tháng)
Trước ngày 1 tháng 3 năm 2024	Tháng 1-9	0,47 Bảng Anh	0,78 Bảng Anh	0,46 Bảng Anh
	Tháng 10-12	0,60 Bảng Anh	1,10 Bảng Anh	0,64 Bảng Anh
Bắt đầu từ ngày 1 tháng 3 năm 2024	Tháng 1-9	0,52 Bảng Anh	0,78 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh
	Tháng 10-12	0,66 Bảng Anh	1,21 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh

● **Phụ phí sử dụng không gian lưu kho**

Tại Châu Âu, kể từ ngày 1/6/2024, Amazon sẽ thiết lập các mức phí chi tiết hơn cho phụ phí sử dụng không gian lưu kho và áp dụng loại phí này cho nhà bán hàng chuyên nghiệp với tỷ lệ sử dụng kho trên 22 tuần. Các mặt hàng có thời gian lưu kho từ 0 đến 30 ngày và sản phẩm thuộc danh mục quần áo, giày dép, túi xách sẽ không phải chịu khoản phụ phí này. Thay đổi này sẽ được áp dụng lần đầu cho phí lưu kho tháng 6/2024 và tính vào tháng 7/2024. Nếu đáp ứng đủ điều kiện nộp phụ phí sử dụng không gian lưu kho, phụ phí sẽ được cộng vào phí lưu kho hàng tháng của bạn. Khoản phí này sẽ được tính dựa trên trung bình thể tích lưu kho hàng ngày tại Trung tâm hoàn thiện đơn hàng của Amazon, khiến cho tổng phí lưu kho hàng tháng của bạn tăng lên.

Phí từ tháng 1- tháng 9 (Trước ngày 1/6/2024)						
Tỷ lệ sử dụng kho	Hàng kích thước tiêu chuẩn			Hàng kích thước lớn		
	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng ² (mỗi foot khối)	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho (mỗi foot khối)	Tổng phí lưu kho hàng tháng (mỗi foot khối)	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng ² (mỗi foot khối)	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho (mỗi foot khối)	Tổng phí lưu kho hàng tháng (mỗi foot khối)
Dưới 26 tuần	0,78 Bảng Anh	Không thu phí	0,78 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh	Không thu phí	0,51 Bảng Anh
26-39 tuần	0,78 Bảng Anh	0,50 Bảng Anh	1,28 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh	0,08 Bảng Anh	0,59 Bảng Anh
Trên 39 tuần	0,78 Bảng Anh	0,67 Bảng Anh	1,45 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh	0,12 Bảng Anh	0,63 Bảng Anh
Nhà bán hàng mới¹ , nhà bán hàng có tài khoản Cá nhân và nhà bán hàng có thể tích hàng lưu kho trung bình hàng ngày dưới 25 foot khối	0,78 Bảng Anh	Không thu phí	0,78 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh	Không thu phí	0,51 Bảng Anh

1. Nhà bán hàng mới là nhà bán hàng đã gửi lô hàng lưu kho đầu tiên đến Amazon cách đây chưa đầy 52 tuần. Nếu vượt quá 52 tuần, Amazon sẽ tính phụ phí sử dụng không gian lưu kho cho những nhà bán hàng đó dựa trên mức độ sử dụng kho.

2. Phí lưu kho cơ bản hàng tháng sẽ có hiệu lực từ ngày 1/2/2024.

Phí từ tháng 10- tháng 12 (Trước ngày 1/6/2024)						
Tỷ lệ sử dụng kho	Hàng kích thước tiêu chuẩn			Hàng kích thước lớn		
	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng ² (mỗi foot khối)	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho (mỗi foot khối)	Tổng phí lưu kho hàng tháng (mỗi foot khối)	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng ² (mỗi foot khối)	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho (mỗi foot khối)	Tổng phí lưu kho hàng tháng (trên foot khối)
Dưới 26 tuần	1,21 Bảng Anh	Không thu phí	1,21 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh	Không thu phí	0,70 Bảng Anh
26-39 tuần	1,21 Bảng Anh	0,50 Bảng Anh	1,71 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh	0,08 Bảng Anh	0,78 Bảng Anh
Trên 39 tuần	1,21 Bảng Anh	0,67 Bảng Anh	1,88 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh	0,12 Bảng Anh	0,82 Bảng Anh
Nhà bán hàng mới¹ , nhà bán hàng có tài khoản Cá nhân và nhà bán hàng có thể tích hàng lưu kho trung bình hàng ngày dưới 25 foot khối	1,21 Bảng Anh	Không thu phí	1,21 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh	Không thu phí	0,70 Bảng Anh

Phí từ tháng 1- tháng 9 (Từ ngày 1/6/2024 trở đi)						
Tỷ lệ sử dụng kho	Hàng kích thước tiêu chuẩn			Hàng kích thước lớn		
	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng ² (mỗi foot khối)	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho (mỗi foot khối)	Tổng phí lưu kho hàng tháng (mỗi foot khối)	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng ² (mỗi foot khối)	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho (mỗi foot khối)	Tổng phí lưu kho hàng tháng (mỗi foot khối)
Dưới 22 tuần	0,78 Bảng Anh	Không thu phí	0,78 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh	Không thu phí	0,51 Bảng Anh
22-28 tuần	0,78 Bảng Anh	0,42 Bảng Anh	1,20 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh	0,12 Bảng Anh	0,63 Bảng Anh
28-36 tuần	0,78 Bảng Anh	0,78 Bảng Anh	1,56 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh	0,25 Bảng Anh	0,76 Bảng Anh
36-44 tuần	0,78 Bảng Anh	1,04 Bảng Anh	1,82 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh	0,30 Bảng Anh	0,81 Bảng Anh
44-52 tuần	0,78 Bảng Anh	1,18 Bảng Anh	1,96 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh	0,41 Bảng Anh	0,92 Bảng Anh
Trên 52 tuần	0,78 Bảng Anh	1,31 Bảng Anh	2,09 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh	0,46 Bảng Anh	0,97 Bảng Anh
Nhà bán hàng mới¹ , nhà bán hàng có tài khoản Cá nhân và nhà bán hàng có thể tích hàng lưu kho trung bình hàng ngày dưới 25 foot khối	0,78 Bảng Anh	Không thu phí	0,78 Bảng Anh	0,51 Bảng Anh	Không thu phí	0,51 Bảng Anh

1. Nhà bán hàng mới là nhà bán hàng đã gửi lô hàng lưu kho đầu tiên đến Amazon cách đây chưa đầy 52 tuần. Nếu vượt quá 52 tuần, Amazon sẽ tính phụ phí sử dụng không gian lưu kho cho những nhà bán hàng đó dựa trên mức độ sử dụng kho.

2. Phí lưu kho cơ bản hàng tháng sẽ có hiệu lực từ ngày 1/2/2024.

Phí từ tháng 10- tháng 12 (Từ ngày 1/6/2024 trở đi)						
Tỷ lệ sử dụng kho	Hàng kích thước tiêu chuẩn			Hàng kích thước lớn		
	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng ² (mỗi foot khối)	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho (mỗi foot khối)	Tổng phí lưu kho hàng tháng (mỗi foot khối)	Phí lưu kho cơ bản hàng tháng ² (mỗi foot khối)	Phụ phí sử dụng không gian lưu kho (mỗi foot khối)	Tổng phí lưu kho hàng tháng (mỗi foot khối)
Dưới 22 tuần	1,21 Bảng Anh	Không thu phí	1,21 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh	Không thu phí	0,70 Bảng Anh
22-28 tuần	1,21 Bảng Anh	0,78 Bảng Anh	1,99 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh	0,12 Bảng Anh	0,83 Bảng Anh
28-36 tuần	1,21 Bảng Anh	0,78 Bảng Anh	1,99 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh	0,21 Bảng Anh	0,91 Bảng Anh
36-44 tuần	1,21 Bảng Anh	0,78 Bảng Anh	1,99 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh	0,25 Bảng Anh	0,95 Bảng Anh
44-52 tuần	1,21 Bảng Anh	0,78 Bảng Anh	1,99 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh	0,29 Bảng Anh	0,99 Bảng Anh
Trên 52 tuần	1,21 Bảng Anh	0,78 Bảng Anh	1,99 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh	0,35 Bảng Anh	1,05 Bảng Anh
Nhà bán hàng mới¹, nhà bán hàng có tài khoản Cá nhân và nhà bán hàng có thể tích hàng lưu kho trung bình hàng ngày dưới 25 foot khối	1,21 Bảng Anh	Không thu phí	1,21 Bảng Anh	0,70 Bảng Anh	Không thu phí	0,70 Bảng Anh

1. Nhà bán hàng mới là nhà bán hàng đã gửi lô hàng lưu kho đầu tiên đến Amazon cách đây chưa đầy 52 tuần. Nếu vượt quá 52 tuần, Amazon sẽ tính phụ phí sử dụng không gian lưu kho cho những nhà bán hàng đó dựa trên mức độ sử dụng kho.

2. Phí lưu kho cơ bản hàng tháng sẽ có hiệu lực từ ngày 1/2/2024.

● **Phí lưu kho dài hạn**

Bắt đầu từ ngày 15 tháng 2 năm 2024, Amazon sẽ tăng phụ phí lưu kho dài hạn đối với hàng lưu kho trong thời gian từ 271 đến 365 ngày. Đối với hàng hóa thuộc danh mục quần áo, giày dép, túi xách, trang sức và đồng hồ, Amazon sẽ áp dụng thu phí lưu kho dài hạn trong thời gian từ 271 đến 330 ngày.

Ngày tính phí hàng lưu kho	Hàng lưu kho 271-300 ngày	Hàng lưu kho 301-330 ngày	Hàng lưu kho 331-365 ngày	Hàng lưu kho từ 365 ngày trở lên
Trước ngày 15/2/2024				
Mỗi tháng (Ngày 15 hàng tháng)	1,11 Bảng Anh/foot khối mỗi tháng (Không bao gồm 1 số mặt hàng)*	1,11 Bảng Anh trên foot khối (Không bao gồm 1 số mặt hàng)*	1,11 Bảng Anh/foot khối mỗi tháng	<ul style="list-style-type: none"> Không phải sản phẩm truyền thông, xuất bản: 4,3 Bảng Anh trên foot khối. Sản phẩm truyền thông, xuất bản**: 4,3 Bảng Anh trên foot khối hoặc 0,10 USD trên mỗi đơn vị (tùy theo giá trị nào lớn hơn)
Từ ngày 15/2/2024 trở đi				
Mỗi tháng (Ngày 15 hàng tháng)	2,32 Bảng Anh/foot khối mỗi tháng (Không bao gồm 1 số mặt hàng)*	2,40 Bảng Anh/foot khối mỗi tháng (Không bao gồm 1 số mặt hàng)*	2,48 Bảng Anh/foot khối mỗi tháng	<ul style="list-style-type: none"> Không phải sản phẩm truyền thông, xuất bản: 5,71 Bảng Anh trên foot khối. Sản phẩm truyền thông, xuất bản: 5,71 Bảng Anh trên foot khối hoặc 0,10 USD trên mỗi đơn vị (tùy theo giá trị nào lớn hơn)

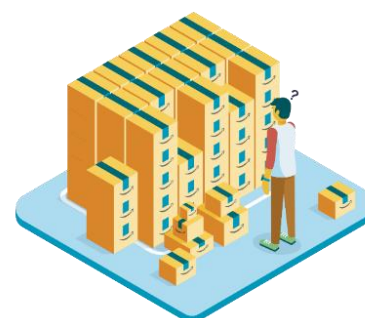
*Không bao gồm hàng hóa thuộc danh mục quần áo, giày dép, túi xách, trang sức và đồng hồ

**Sản phẩm truyền thông xuất bản là tất cả các mặt hàng về sách báo, âm nhạc, điện ảnh và DVD

● **Phí hoàn thiện đơn hàng**

Phí hoàn thiện đơn hàng FBA tại địa phương đối với các thị trường Đức, Pháp, Ý và Tây Ban Nha không thay đổi. Tuy nhiên, phí hoàn thiện đơn hàng tại địa phương sẽ tăng đối với các thị trường như Vương quốc Anh, Hà Lan, Thụy Điển, Ba Lan và Bỉ. Những thay đổi trên được thể hiện ở bảng giá bên dưới.

Đối với tất cả các kiện hàng đã được xác định kích thước và hàng quá khổ (ngoại trừ các mặt hàng quá khổ đặc biệt), Amazon sẽ tính phí theo trọng lượng sản phẩm hoặc trọng lượng thể tích (chọn thông số có giá trị lớn hơn để tính phí).



Biểu phí giao hàng địa phương và Chương trình FBA khu vực Châu Âu

Phí hoàn thiện đơn hàng FBA tiêu chuẩn (Sản phẩm bán tại Amazon, thu phí theo kiện)									
Địa phương & Chương trình FBA khu vực Châu Âu (Pan-EU) ^{1, 3, 4, 5}									
	Anh	Đức	Pháp	Ý	Tây Ban Nha	Hà Lan	Thụy Điển	Ba Lan	Bỉ
Phong bì cỡ nhỏ ≤80g	£1,71	€1,90	€2,70	€3,11	€2,53	€1,91	30,04 SEK	4,75 PLN	€1,90
Phong bì tiêu chuẩn ≤60g	£1,89	€2,09	€2,80	€3,24	€2,84	€2,08	30,86 SEK	4,80 PLN	€2,07
Phong bì tiêu chuẩn ≤210g	£2,07	€2,23	€3,34	€3,37	€3,18	€2,28	32,30 SEK	4,94 PLN	€2,27
Phong bì tiêu chuẩn ≤460g	£2,20	€2,39	€3,82	€3,60	€3,42	€2,42	37,09 SEK	5,20 PLN	€2,41
Phong bì cỡ lớn ≤960g	£2,73	€2,74	€4,45	€3,90	€3,57	€2,88	38,55 SEK	5,64 PLN	€2,91
Phong bì siêu lớn ≤960g	£2,95	€3,12	€4,79	€4,13	€3,80	€3,21	42,24 SEK	5,70 PLN	€3,19
Bưu kiện nhỏ ≤150g	£2,99	€3,12	€4,79	€4,13	€3,80	€3,22	43,67 SEK	5,70 PLN	€2,98
Bưu kiện nhỏ ≤400g	£3,01	€3,32	€5,18	€4,44	€4,03	€3,26	45,75 SEK	5,77 PLN	€3,30
Bưu kiện nhỏ ≤900g	£3,05	€3,70	€5,92	€4,97	€4,26	€3,83	46,38 SEK	6,55 PLN	€3,84
Bưu kiện nhỏ ≤1,40kg	£3,23	€4,37	€6,16	€5,59	€4,75	€4,50	47,77 SEK	6,81 PLN	€4,51
Bưu kiện nhỏ ≤1,90kg	£3,58	€4,76	€6,24	€5,84	€4,82	€4,82	49,37 SEK	6,82 PLN	€4,83
Bưu kiện nhỏ ≤3,90kg	£5,62	€5,97	€9,55	€7,70	€6,27	€6,25	58,79 SEK	6,86 PLN	€6,26
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤150g	£3,00	€3,22	€4,84	€4,50	€3,82	€3,28	47,09 SEK	5,79 PLN	€3,21
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤400g	£3,16	€3,63	€5,50	€5,08	€4,39	€3,60	49,95 SEK	5,83 PLN	€3,60
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤900g	£3,37	€4,11	€6,40	€5,78	€4,73	€4,13	50,07 SEK	6,61 PLN	€4,14
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤1,40kg	£3,60	€4,84	€6,77	€6,52	€5,44	€4,93	52,34 SEK	6,88 PLN	€4,94
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤1,90kg	£3,90	€5,32	€6,97	€6,78	€5,54	€5,40	55,24 SEK	6,89 PLN	€5,41
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤2,9kg	£5,65	€5,98	€9,55	€7,72	€6,29	€6,26	58,94 SEK	6,95 PLN	€6,27

Phí hoàn thiện đơn hàng FBA tiêu chuẩn (Sản phẩm bán tại Amazon, thu phí theo kiện)									
Địa phương & Chương trình FBA khu vực Châu Âu (Pan-EU) ^{1, 3, 4, 5}									
	Anh	Đức	Pháp	Ý	Tây Ban Nha	Hà Lan	Thụy Điển	Ba Lan	Bỉ
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤3,9kg	£5,96	€6,55	€9,74	€8,01	€7,70	€6,29	59,11 SEK	7,00 PLN	€6,30
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤5,9kg	£6,13	€6,89	€10,22	€9,14	€7,95	€6,53	63,44 SEK	7,08 PLN	€6,54
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤8,9kg	£6,99	€7,44	€11,12	€10,13	€7,97	€6,89	65,18 SEK	7,46 PLN	€6,90
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤11,90kg	£7,39	€7,73	€11,65	€10,87	€7,98	€7,34	85,31 SEK	9,21 PLN	€7,36
Hàng quá khổ cỡ nhỏ ≤760g	£5,32	€6,39	€9,36	€9,24	€7,32	€7,22	82,32 SEK	8,05 PLN	€6,63
Hàng quá khổ cỡ nhỏ ≤1,26kg	£6,17	€6,41	€9,75	€9,72	€8,03	€7,23	84,40 SEK	8,29 PLN	€6,78
Hàng quá khổ cỡ nhỏ ≤1,76kg	£6,36	€6,43	€10,39	€9,86	€8,13	€7,23	85,26 SEK	8,40 PLN	€6,80
Hàng quá khổ cỡ nhỏ >1,76kg	£0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	0,05 PLN cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤760g	£6,32	€6,46	€9,37	€9,79	€7,37	€7,22	83,09 SEK	8,05 PLN	€6,69
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤1,76kg	£6,67	€6,77	€10,57	€9,94	€8,16	€7,53	86,73 SEK	8,40 PLN	€6,98
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤2,76kg	£6,82	€7,59	€11,10	€9,96	€8,95	€8,38	101,26 SEK	9,81 PLN	€8,03
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤3,76kg	£6,86	€7,65	€11,56	€10,64	€9,02	€8,45	102,09 SEK	9,89 PLN	€8,10
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤4,76kg	£6,89	€7,68	€11,64	€10,68	€9,31	€8,49	102,09 SEK	9,89 PLN	€8,12
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤9,76kg	£8,24	€8,07	€12,54	€12,11	€13,62	€8,75	106,71 SEK	10,48 PLN	€8,54
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤14,76kg	£8,82	€8,79	€13,46	€13,45	€14,71	€9,57	117,29 SEK	11,36 PLN	€9,30
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤19,76kg	£9,24	€9,34	€14,14	€13,87	€15,95	€10,22	124,72 SEK	12,08 PLN	€9,56
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤24,76kg	£10,24	€10,58	€14,14	€14,76	€15,96	€10,69	139,86 SEK	13,68 PLN	€9,64
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤29,76kg	£10,25	€10,59	€15,75	€15,50	€17,72	€10,71	139,92 SEK	13,68 PLN	€9,66
Hàng quá khổ tiêu chuẩn >29,76kg	£0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	0,05 PLN cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤4,76kg	£11,45	€9,26	€16,91	€10,84	€11,19	€9,96	118,02 SEK	10,74 PLN	€9,50
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤9,76kg	£12,52	€10,66	€20,60	€12,33	€15,01	€11,38	136,14 SEK	12,39 PLN	€10,96

Phí hoàn thiện đơn hàng FBA tiêu chuẩn (Sản phẩm bán tại Amazon, thu phí theo kiện)									
Địa phương & Chương trình FBA khu vực Châu Âu (Pan-EU) ^{1, 3, 4, 5}									
	Anh	Đức	Pháp	Ý	Tây Ban Nha	Hà Lan	Thụy Điển	Ba Lan	Bỉ
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤14,76kg	£13,22	€11,00	€21,69	€13,57	€16,21	€11,82	145,63 SEK	13,25 PLN	€11,64
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤19,76kg	£13,86	€11,63	€22,76	€14,01	€17,36	€12,49	153,90 SEK	14,00 PLN	€12,30
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤24,76kg	£15,08	€12,86	€24,88	€15,71	€18,82	€13,83	170,43 SEK	15,51 PLN	€13,61
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤31,50kg	£15,12	€12,90	€25,45	€15,80	€21,57	€13,86	170,79 SEK	15,54 PLN	€13,64
Hàng quá khổ cỡ lớn >31,50kg	£0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm	0,05 PLN cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,01 cho mỗi 1kg tăng thêm
Hàng quá khổ đặc biệt <20,00kg	£15,43	€19,98	€23,95	€17,41	€17,75				
Hàng quá khổ đặc biệt <30,00kg	£18,48	€27,16	€30,88	€20,16	€24,33				
Hàng quá khổ đặc biệt <40,00kg	£19,16	€28,46	€31,76	€20,91	€25,23				
Hàng quá khổ đặc biệt <50,00kg	£42,98	€59,97	€54,04	€27,93	€39,32				
Hàng quá khổ đặc biệt <60,00kg	£44,25	€61,17	€55,63	€28,48	€40,08				
Hàng quá khổ đặc biệt ≥60,00kg	£0,37 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,38 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,42 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,60 cho mỗi 1kg tăng thêm	€0,51 cho mỗi 1kg tăng thêm				

• **Phí vận chuyển của Mạng lưới hoàn thiện đơn hàng khu vực Châu Âu (EFN)^{2,3}**

Amazon sẽ giảm phí hoàn thiện đơn hàng từ xa cho các lô hàng vận chuyển từ Pháp, Đức, Ý và Tây Ban Nha đến Vương quốc Anh, đồng thời giữ nguyên phí của Mạng lưới hoàn thiện đơn hàng khu vực Châu Âu và phí hoàn thiện đơn hàng từ xa từ Anh đến EU.

Bằng cách hoàn thiện đơn hàng từ xa, bạn có thể bán hàng giữa Vương quốc Anh và EU mà không cần lấy mã số đăng ký VAT hoặc nhập kho địa phương tại thị trường đích. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [Hoàn thiện đơn hàng từ xa FBA](#).

Phí hoàn thiện đơn hàng FBA tiêu chuẩn (Sản phẩm bán tại Amazon, thu phí theo kiện)									
	Mạng lưới hoàn thiện đơn hàng khu vực Châu Âu ^{2, 3, 5}						Hoàn thiện đơn hàng từ xa giữa Anh và Châu Âu ^{2, 3, 5}		
	Đức Ý hoặc Tây Ban Nha	Pháp	Hà Lan Bỉ	Thụy Điển	Ba Lan	Bỉ	Anh đến Đức, Ý hoặc Tây Ban Nha	Anh đến Pháp	Đức, Pháp, Ý hoặc Tây Ban Nha đến Anh
Phong bì cỡ nhỏ ≤80g	€4,91	€5,06	€4,73	47,08 SEK	20,25 PLN	€4,73	€4,05	€4,17	£3,28
Phong bì tiêu chuẩn ≤60g	€5,06	€5,22	€4,88	49,59 SEK	21,12 PLN	€4,88	€4,18	€4,30	£3,37
Phong bì tiêu chuẩn ≤210g	€5,41	€5,57	€5,21	52,91 SEK	22,61 PLN	€5,21	€4,46	€4,60	£3,47
Phong bì tiêu chuẩn ≤460g	€5,44	€5,61	€5,25	53,22 SEK	22,95 PLN	€5,25	€4,49	€4,62	£3,56
Phong bì cỡ lớn ≤960g	€5,99	€6,17	€5,60	57,38 SEK	24,57 PLN	€5,60	€4,94	€5,09	£3,73
Phong bì siêu lớn ≤960g	€6,61	€6,81	€6,18	62,10 SEK	29,68 PLN	€6,18	€5,45	€5,62	£3,80
Bưu kiện nhỏ ≤150g	€6,61	€6,81	€6,18	62,34 SEK	29,68 PLN	€6,18	€5,45	€5,62	£3,88
Bưu kiện nhỏ ≤400g	€7,05	€7,26	€6,76	67,95 SEK	32,33 PLN	€6,76	€5,82	€5,99	£3,97
Bưu kiện nhỏ ≤900g	€8,45	€8,70	€8,10	81,39 SEK	38,43 PLN	€8,10	€6,97	€7,18	£4,13
Bưu kiện nhỏ ≤1,40kg	€9,28	€9,56	€8,90	89,49 SEK	42,11 PLN	€8,90	€7,66	€7,89	£4,35
Bưu kiện nhỏ ≤1,90kg	€10,58	€10,90	€10,14	101,90 SEK	47,74 PLN	€10,14	€8,73	€8,99	£4,77
Bưu kiện nhỏ ≤3,90kg	€13,42	€13,82	€12,87	129,32 SEK	60,18 PLN	€12,87	€11,07	€11,40	£4,87
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤150g	€6,63	€6,83	€6,31	62,79 SEK	29,85 PLN	€6,31	€5,47	€5,64	£4,24
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤400g	€7,73	€7,96	€7,41	74,45 SEK	33,08 PLN	€7,41	€6,38	€6,57	£4,45
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤900g	€9,19	€9,47	€8,81	88,56 SEK	38,98 PLN	€8,81	€7,58	€7,81	£4,64
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤1,40kg	€10,43	€10,74	€10,00	100,50 SEK	42,80 PLN	€10,00	€8,60	€8,86	£4,71
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤1,90kg	€11,97	€12,33	€11,48	115,35 SEK	49,14 PLN	€11,48	€9,88	€10,17	£5,13
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤2,9kg	€13,42	€13,82	€12,87	129,32 SEK	60,43 PLN	€12,87	€11,07	€11,40	£6,20
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤3,9kg	€15,80	€16,27	€15,15	152,29 SEK	64,60 PLN	€15,15	€13,04	€13,43	£7,82
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤5,9kg	€16,67	€17,17	€15,98	160,60 SEK	67,88 PLN	€15,98	€13,75	€14,17	£8,62
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤8,9kg	€18,06	€18,60	€17,32	174,03 SEK	73,47 PLN	€17,32	€14,90	€15,35	£8,78
Bưu kiện tiêu chuẩn ≤11,90kg	€21,24	€21,88	€20,36	204,58 SEK	88,03 PLN	€20,36	€17,52	€18,05	£9,24
Hàng quá khổ cỡ nhỏ ≤760g	€13,92	€14,33	€13,47	139,29 SEK	61,72 PLN	€13,47	€11,48	€11,82	£10,86
Hàng quá khổ cỡ nhỏ ≤1,26kg	€14,38	€14,81	€13,92	144,83 SEK	64,23 PLN	€13,92	€11,87	€12,22	£11,23

Phí hoàn thiện đơn hàng FBA tiêu chuẩn (Sản phẩm bán tại Amazon, thu phí theo kiện)									
	Mạng lưới hoàn thiện đơn hàng khu vực Châu Âu ^{2,3,5}						Hoàn thiện đơn hàng từ xa giữa Anh và EU ^{2,3,5}		
	Đức, Ý, Tây Ban Nha	Pháp	Hà Lan Bỉ	Thụy Điển	Ba Lan	Bỉ	Anh đến Đức, Ý, Tây Ban Nha	Anh đến Pháp	Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha đến Anh
Hàng quá khổ cỡ nhỏ ≤1,76kg	€14,49	€14,92	€14,03	145,92 SEK	64,72 PLN	€14,03	€11,95	€12,31	£11,32
Hàng quá khổ cỡ nhỏ >1,76kg	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	0,1 SEK Mỗi 1 kg tăng thêm	0,05 PLN Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	£0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤760g	€17,42	€17,94	€16,87	167,89 SEK	74,72 PLN	€16,87	€14,37	€14,80	£10,04
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤1,76kg	€17,93	€18,47	€17,36	172,80 SEK	76,91 PLN	€17,36	€14,79	€15,24	£10,46
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤2,76kg	€19,14	€19,71	€18,52	184,35 SEK	82,05 PLN	€18,52	€15,79	€16,26	£11,00
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤3,76kg	€19,24	€19,82	€18,62	185,39 SEK	82,51 PLN	€18,62	€15,87	€16,35	£11,08
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤4,76kg	€19,39	€19,97	€18,77	186,81 SEK	83,14 PLN	€18,77	€15,99	€16,47	£11,21
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤9,76kg	€22,13	€22,80	€21,42	213,26 SEK	94,91 PLN	€21,42	€18,26	€18,81	£13,35
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤14,76kg	€23,25	€23,95	€22,52	224,14 SEK	99,76 PLN	€22,52	€19,18	€19,76	£14,26
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤19,76kg	€25,31	€26,07	€24,50	243,91 SEK	108,55 PLN	€24,50	€20,88	€21,51	£15,88
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤24,76kg	€27,14	€27,96	€26,27	261,48 SEK	116,37 PLN	€26,27	€22,39	€23,07	£17,31
Hàng quá khổ tiêu chuẩn ≤29,76kg	€27,54	€28,37	€26,66	265,36 SEK	118,10 PLN	€26,66	€22,72	€23,40	£17,64
Hàng quá khổ tiêu chuẩn >29,76kg	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	0,1 SEK Mỗi 1 kg tăng thêm	0,05 PLN Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	£0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤4,76kg	€25,94	€26,72	€25,10	254,05 SEK	112,23 PLN	€25,10	€21,40	€22,04	£10,14
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤9,76kg	€31,05	€31,99	€30,06	303,43 SEK	134,21 PLN	€30,06	€25,62	€26,39	£14,18
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤14,76kg	€33,01	€34,00	€31,95	322,21 SEK	142,57 PLN	€31,95	€27,23	€28,05	£15,73
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤19,76kg	€36,40	€37,49	€35,24	354,92 SEK	157,13 PLN	€35,24	€30,03	€30,93	£18,41
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤24,76kg	€39,50	€40,68	€38,24	384,77 SEK	170,41 PLN	€38,24	€32,59	€33,56	£20,85
Hàng quá khổ cỡ lớn ≤31,50kg	€39,50	€40,68	€38,24	384,77 SEK	170,41 PLN	€38,24	€32,59	€33,56	£20,85
Hàng quá khổ cỡ lớn >31,50kg	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	0,1 SEK Mỗi 1 kg tăng thêm	0,05 PLN Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	€0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm	£0,01 Mỗi 1 kg tăng thêm

1. Phí hoàn thiện đơn hàng sẽ phụ thuộc vào thị trường, nơi sản phẩm được bán. Đối với Chương trình FBA khu vực Châu Âu, Amazon sẽ tính phụ phí theo kiện hàng và áp dụng cho tất cả các sản phẩm quá khổ được giao đến Pháp, Ý và Tây Ban Nha. Bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, nếu hàng của bạn được lưu kho và bán ở cùng một quốc gia/khu vực thì Amazon sẽ không tính thêm phụ phí. Chính sách này áp dụng cho các thị trường Đức, Pháp, Ý và Tây Ban Nha. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [Thay đổi phụ phí của Chương trình FBA khu vực Châu Âu](#).
2. Amazon sẽ xem xét mức phí giao hàng ở Liên minh Châu Âu hàng tháng, hàng quý hoặc hàng năm và thực hiện điều chỉnh khi tỷ giá hối đoái giữa đồng Bảng Anh và đồng Euro thay đổi lớn hơn 5%. Nếu có điều chỉnh, Amazon sẽ đưa ra thông báo trước 30 ngày.
3. Nếu bạn có hàng lưu kho FBA ở Đức và chưa tham gia Chương trình dành cho khu vực Trung Âu - Central Europe programme (Chương trình cho phép Amazon lưu trữ và hoàn thiện đơn hàng ở Đức, Ba Lan và Cộng hòa Séc) thì mức phí sẽ khác. Đối với các mặt hàng được vận chuyển từ Trung tâm hoàn thiện đơn hàng tại Đức, nhà bán hàng sẽ chịu phí FBA tiêu chuẩn và phí sản phẩm FBA giá thấp. Khoản phí bổ sung 0,26 Bảng Anh (£), 2,50 SEK, 1,15 PLN, 0,26 Euro (€) hoặc 0,27 Euro (€) (bao gồm cả thuế bán hàng kỹ thuật số của Pháp) sẽ được tính thêm vào mỗi kiện hàng. Hàng hóa bán chuyển từ Ba Lan sang Đức sẽ phải chịu phí nội địa ở Đức.
4. Đối với hàng kích thước lớn chưa được phân loại hoặc quá khổ đặc biệt, phí giới thiệu tối thiểu vẫn là 25 Bảng Anh hoặc 25 Euro. Các mặt hàng có trọng lượng trên 23kg và không phải quá khổ đặc biệt sẽ được coi là hàng kích thước lớn chưa được phân loại.
5. Đối với các mặt hàng chứa hoặc bán kèm pin Lithium và hàng nguy hiểm, mức phí £0,10, €0,10, 1,00 SEK và 0,40 PLN sẽ được tính thêm cho mỗi kiện hàng để chi trả cho phí xử lý hàng.

• Điều chỉnh mức phụ phí của Chương trình FBA khu vực Châu Âu đối với hàng quá cỡ

Đối với hàng hoá có kích thước lớn được vận chuyển thông qua Chương trình FBA khu vực Châu Âu tại các thị trường Pháp, Ý và Tây Ban Nha, thì ngoài phí giao hàng tại địa phương, nhà bán hàng phải trả thêm phụ phí.

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, nếu hàng của bạn được lưu kho và bán ở cùng một quốc gia/khu vực thì Amazon sẽ không tính thêm phụ phí. Sau đây là các thay đổi sẽ được Amazon thực hiện:

1. Amazon sẽ hạn chế thu phụ phí đối với các sản phẩm tham gia Chương trình FBA khu vực Châu Âu được lưu kho và bán ở cùng một quốc gia/khu vực.
2. Amazon sẽ cập nhật phí vận chuyển của Chương trình FBA khu vực Châu Âu đối với hàng hoá có kích thước lớn.
3. Amazon sẽ bắt đầu thu phụ phí vận chuyển đối với các mặt hàng tham gia Chương trình FBA khu vực Châu Âu được vận chuyển từ Đức.



Dịch vụ hoàn thiện đơn hàng đối với sản phẩm FBA giá thấp

Amazon sẽ giữ nguyên phí hoàn thiện đơn hàng đối với sản phẩm FBA giá thấp tại các thị trường ở Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha và Ba Lan, đồng thời sẽ điều chỉnh mức phí cho các sản phẩm FBA giá thấp ở Vương quốc Anh, Hà Lan và Thụy Điển. Kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2024, Amazon sẽ áp dụng phí FBA giá thấp cho các sản phẩm tại Bỉ có giá từ 12 € trở xuống (đã bao gồm VAT).

Mức giới hạn về giá ở các thị trường khác vẫn không thay đổi. Điều này có nghĩa là sản phẩm FBA giá thấp sẽ có giá bán không vượt quá 10£ (ở Anh), 11€ (ở Đức), 12€ (ở Pháp, Ý, Tây Ban Nha và Hà Lan), 140 SEK (ở Thụy Điển) và 55 PLN (ở Ba Lan).

Đối với khách hàng là thành viên của Amazon Prime, các sản phẩm tham gia Chương trình giảm giá hàng FBA giá thấp sẽ đủ điều kiện để được giao hàng miễn phí. Còn nếu người mua không phải là thành viên của Amazon Prime thì sẽ được áp dụng hình thức giao hàng tiêu chuẩn.

Phí FBA dành cho sản phẩm giá thấp (Tính phí theo cho các sản phẩm bán trên Amazon, thu phí theo kiện) Địa phương & Chương trình FBA khu vực Châu Âu											
Phân loại kích thước	Trọng lượng vận chuyển	Kích thước	Vương quốc Anh	Đức ¹	Pháp	Tây Ban Nha	Ý	Hà Lan	Thụy Điển	Ba Lan	Bỉ ²
Phong bì nhỏ	≤80g	≤20x15x1cm	£1,34	€1,45	€2,09	€1,94	€2,47	€1,57	27,60 SEK	3,89 PLN	€1,56
Phong bì tiêu chuẩn	≤60g	≤33x23x2,5cm	£1,52	€1,64	€2,19	€2,25	€2,60	€1,74	28,42 SEK	3,94 PLN	€1,73
	≤210g	≤33x23x2,5cm	£1,69	€1,78	€2,73	€2,59	€2,73	€1,94	29,76 SEK	4,08 PLN	€1,93
	≤460g	≤33x23x2,5cm	£1,83	€1,94	€3,21	€2,83	€2,96	€2,08	34,65 SEK	4,34 PLN	€2,07
Phong bì lớn	≤960g	≤33x23x4cm	£2,36	€2,29	€3,84	€2,98	€3,26	€2,54	36,11 SEK	4,78 PLN	€2,57
Phong bì siêu lớn	≤960g	≤33x23x6cm	£2,59	€2,67	€4,18	€3,21	€3,49	€2,87	39,80 SEK	4,84 PLN	€2,85
Kiện hàng nhỏ	≤150g	≤35x25x12cm	£2,61	€2,67	€4,18	€3,21	€3,49	€2,88	41,23 SEK	4,84 PLN	€2,64
	≤400g	≤35x25x12cm	£2,64	€2,87	€4,57	€3,44	€3,80	€2,92	43,31 SEK	4,91 PLN	€2,96

- Nếu bạn có hàng lưu kho FBA ở Đức và không tham gia Chương trình mở rộng mạng lưới hoàn thiện đơn hàng (Chương trình dành cho khu vực Trung Âu) (chương trình ủy quyền cho Amazon lưu trữ và hoàn thiện đơn hàng FBA ở Đức, Ba Lan và Cộng hòa Séc) thì mức phí sẽ thay đổi. Đối với các mặt hàng được vận chuyển từ Trung tâm hoàn thiện đơn hàng tại Đức, nhà bán hàng sẽ chịu phí FBA tiêu chuẩn và phí sản phẩm FBA giá thấp. Khoản phí bổ sung 0,26 Bảng Anh (£), 2,50 SEK, 1,15 PLN, 0,26 Euro (€) hoặc 0,27 Euro (€) (bao gồm cả thuế bán hàng kỹ thuật số của Pháp) sẽ được tính cho mỗi kiện hàng.
- Kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2024, thị trường Bỉ sẽ áp dụng phí FBA dành cho hàng giá thấp.

Phí FBA dành cho sản phẩm giá thấp (Tính phí theo cho các sản phẩm bán trên Amazon, thu phí theo kiện) Mạng lưới hoàn thiện đơn hàng khu vực Châu Âu										
Phân loại kích thước	Trọng lượng vận chuyển ¹	Kích thước	Đức ²	Pháp	Tây Ban Nha	Ý	Hà Lan	Thụy Điển	Ba Lan	Bỉ ³
Phong bì nhỏ	≤80g	≤20x15x1cm	€4,91	€5,06	€4,91	€4,91	€4,73	47,08 SEK	20,25 PLN	€4,73
Phong bì tiêu chuẩn	≤60g	≤33x23x2,5cm	€5,06	€5,22	€5,06	€5,06	€4,88	49,59 SEK	21,12 PLN	€4,88
	≤210g	≤33x23x2,5cm	€5,41	€5,57	€5,41	€5,41	€5,21	52,91 SEK	22,61 PLN	€5,21
	≤460g	≤33x23x2,5cm	€5,44	€5,61	€5,44	€5,44	€5,25	53,22 SEK	22,95 PLN	€5,25
Phong bì lớn	≤960g	≤33x23x4cm	€5,99	€6,17	€5,99	€5,99	€5,60	57,38 SEK	24,57 PLN	€5,60
Phong bì siêu lớn	≤960g	≤33x23x6cm	€6,61	€6,81	€6,61	€6,61	€6,18	62,10 SEK	29,68 PLN	€6,18
Kiện hàng nhỏ	≤150g	≤35x25x12cm	€6,61	€6,81	€6,61	€6,61	€6,18	62,34 SEK	29,68 PLN	€6,18
	≤400g	≤35x25x12cm	€7,05	€7,26	€7,05	€7,05	€6,76	67,95 SEK	32,33 PLN	€6,76

1. Nếu bạn có hàng lưu kho FBA ở Đức và không tham gia Chương trình mở rộng mạng lưới hoàn thiện đơn hàng (Chương trình dành cho khu vực Trung Âu) (chương trình ủy quyền cho Amazon lưu trữ và hoàn thiện đơn hàng FBA ở Đức, Ba Lan và Cộng hòa Séc) thì mức phí sẽ thay đổi. Đối với các mặt hàng được vận chuyển từ Trung tâm hoàn thiện đơn hàng tại Đức, nhà bán hàng sẽ chịu phí FBA tiêu chuẩn và phí sản phẩm FBA giá thấp. Khoản phí bổ sung 0,26 Bảng Anh (£), 2,50 SEK, 1,15 PLN, 0,26 Euro (€) hoặc 0,27 Euro (€) (bao gồm cả thuế bán hàng kỹ thuật số của Pháp) sẽ được tính cho mỗi kiện hàng.
2. Kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2024, thị trường Bỉ sẽ áp dụng phí FBA dành cho hàng giá thấp.

- **Phí hàng lưu kho ở mức thấp (Chương trình FBA khu vực Châu Âu)**

Kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2024, Amazon sẽ áp dụng phí hàng lưu kho ở mức thấp đối với hàng tiêu chuẩn được vận chuyển thông qua Chương trình FBA khu vực Châu Âu nếu mặt hàng đó có mức lưu kho thấp hơn nhiều so với số lượng sản phẩm bán ra (số ngày cung ứng lưu kho ít hơn 28 ngày).

Khi số lượng hàng lưu kho của nhà bán hàng thấp hơn số lượng hàng bán ra, Amazon sẽ không thể phân phối hàng hóa một cách tối ưu, khiến cho tốc độ giao hàng chậm lại và chi phí vận chuyển tăng lên.

Amazon chỉ tính phí hàng lưu kho ở mức thấp cho nhà bán hàng khi số ngày cung ứng lưu kho trong dài hạn (90 ngày qua) và ngắn hạn (30 ngày qua) đều dưới 28 ngày (4 tuần). Ví dụ, nếu một sản phẩm có số ngày cung ứng lưu kho trong ngắn hạn trên 28 ngày nhưng số ngày cung ứng lưu kho dài hạn dưới 28 ngày thì sản phẩm đó sẽ không bị tính phí hàng lưu kho ở mức thấp (đối với Chương trình FBA khu vực Châu Âu).

Amazon sẽ tính số ngày cung ứng lưu kho lịch sử của từng FNSKU. Đối với tất cả các hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại thị trường Đức, Pháp, Ý và Tây Ban Nha, phí hàng lưu kho ở mức thấp sẽ được cộng vào phí của Chương trình FBA khu vực Châu Âu.

Phí hàng lưu kho ở mức thấp (Chương trình FBA khu vực Châu Âu) không được áp dụng cho các trường hợp sau:

1. Hàng hoá có kích thước lớn
2. Nhà bán hàng chuyên nghiệp mới tham gia Chương trình FBA khu vực Châu Âu (trong vòng 365 ngày kể từ khi tham gia Chương trình FBA khu vực Châu Âu)
3. FNSKU mới tham gia Chương trình FBA khu vực Châu Âu (trong vòng 180 ngày kể từ khi tham gia Chương trình FBA khu vực Châu Âu). Nhà bán hàng phải đăng ký Chương trình Ưu đãi sản phẩm FBA mới để được hưởng những quyền lợi này. Để biết thêm thông tin về các điều kiện đối với nhà bán hàng và sản phẩm, vui lòng xem tại [Chương trình Ưu đãi sản phẩm FBA mới](#).
4. Nhà bán hàng tham gia Chương trình FBA khu vực Châu Âu có FNSKU đã vận chuyển trung bình ít hơn 5 mặt hàng mỗi tuần trong 30 ngày qua tại các cửa hàng ở Đức, Pháp, Ý và Tây Ban Nha.

Để biết thêm thông tin và mức giá, vui lòng xem tại [Phí hàng lưu kho ở mức thấp \(Chương trình FBA khu vực Châu Âu\)](#).

- **Cách tính trọng lượng hàng vận chuyển:**

Đối với tất cả các kiện hàng đã được xác định kích thước và hàng quá khổ (ngoại trừ các mặt hàng quá khổ đặc biệt và hàng được vận chuyển thông qua Chương trình giảm giá hàng FBA giá thấp), Amazon sẽ tính phí dựa trên trọng lượng sản phẩm hoặc trọng lượng thể tích (chọn giá trị lớn hơn để tính phí). Dưới đây là bảng tổng quan về cách tính trọng lượng hàng hoá để xác định phí vận chuyển:

Phí FBA cơ bản	
Hàng quá khổ và tất cả các mặt hàng đã được xác định kích thước	
Phân loại kích thước	Trọng lượng vận chuyển
Phong bì nhỏ/ tiêu chuẩn/lớn/siêu lớn	Trọng lượng sản phẩm
Hàng vận chuyển thông qua Chương trình Giảm giá hàng FBA giá thấp	Trọng lượng sản phẩm
Bưu kiện nhỏ/ tiêu chuẩn/ lớn	Trọng lượng sản phẩm hoặc trọng lượng thể tích (chọn giá trị lớn hơn)
Hàng quá khổ cỡ nhỏ/ tiêu chuẩn/ lớn	Trọng lượng sản phẩm hoặc trọng lượng thể tích (chọn giá trị lớn hơn)
Hàng quá khổ đặc biệt	Trọng lượng sản phẩm

3.1.3 Thị trường Nhật Bản:



- **Inventory storage fee (Phí lưu kho)**

Phí lưu kho được tính theo thể tích bình quân ngày (tính bằng đơn vị mét khối) của không gian mà hàng lưu kho của bạn chiếm dụng trong Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon. Amazon có quyền tính toán thể tích (theo đơn vị: mét khối) hoặc trọng lượng của tất cả các hàng hóa đóng gói hay các mẫu đại diện phù hợp theo các phương pháp đo lường riêng của Amazon. Nếu kết quả đo lường của Amazon khác với kết quả đo lường và thông tin do nhà bán hàng cung cấp, thì sẽ ưu tiên lấy chuẩn theo kết quả của Amazon.

- **Monthly storage fee (Phí lưu kho hàng tháng)**

Amazon thường thu phí lưu kho tháng trước trong khoảng từ ngày 7 đến ngày 15 của tháng tiếp theo. Ví dụ: để xem phí lưu kho cho tháng 1, vui lòng tham khảo báo cáo thanh toán có chứa thông tin giao dịch từ ngày 7 đến ngày 15 tháng 2.

- **Long-term Storage Fee (Phí lưu kho dài hạn)**

Ngày 15 hàng tháng, hệ thống FBA sẽ thực hiện kiểm kê hàng lưu kho. Vào ngày này, chúng tôi sẽ tính phí lưu kho dài hạn (bao gồm 10% thuế tiêu thụ) với mức phí tiêu chuẩn là 17,773 JPY cho mỗi decimet khối (10 cm x 10 cm x 10 cm) hàng hóa được lưu trữ tại Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon tại Nhật Bản trong hơn 365 ngày.

Xác định lượng lưu kho cần phải thanh toán chi phí

Để quản lý tốt hơn không gian lưu kho và tránh phát sinh thêm chi phí vượt hạn mức, chúng tôi khuyến nghị bạn kiểm tra [Báo cáo các mặt hàng loại bỏ được đề xuất](#) và [Báo cáo tình trạng hàng lưu kho](#), để xác định xem hàng lưu kho nào của bạn có thể cần thanh toán phí lưu trữ dài hạn.



Tôi muốn kiểm tra xem tôi có những mặt hàng lưu kho nào có thể phải chịu phí lưu kho dài hạn. Tôi cần tìm Báo cáo các mặt hàng loại bỏ được đề xuất và Báo cáo tình trạng hàng lưu kho ở đâu?

Bạn có thể tìm thấy các báo cáo này theo phương thức dưới đây: Trong tài khoản của nhà bán hàng, hãy nhấp vào "Quy hoạch lưu kho" trong tab chức năng "Lưu kho", tìm giao diện "Thời gian lưu kho" và nhấp vào "Báo cáo hàng lưu kho và bán hàng" trong tab "Báo cáo dữ liệu".

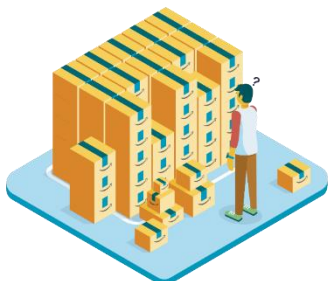


Để tìm hiểu thêm về quy định và chi tiết thu phí lưu kho dài hạn, vui lòng [nhấp vào đây](#) để xem cụ thể.

- **Inventory storage overage fee (Phí lưu kho vượt hạn mức)**

Thế nào là phí lưu kho vượt hạn mức?

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 2020, nếu không gian lưu kho của bạn tại Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon vượt quá hạn mức lưu trữ tại bất kỳ ngày nào trong tháng, bạn sẽ phải thanh toán phí lưu kho vượt hạn mức cả tháng cho phần đã quá hạn mức sau khi kết thúc tháng.



Phí lưu kho vượt hạn mức được tính như thế nào?

Phí lưu kho vượt hạn mức được tính bằng cách lấy tỷ lệ thu phí **31.727 JPY / mét khối** nhân với thể tích bình quân ngày (tính theo đơn vị mét khối) của không gian chiếm dụng vượt quá hạn mức lưu kho được chỉ định trong tháng. Thể tích được tính dựa kết quả đo kích thước của một sản phẩm đã được đóng gói đúng cách và sẵn sàng để vận chuyển theo các [chính sách và yêu cầu của FBA](#).

Để biết thêm chi tiết về phương và ví dụ về thu phí lưu kho vượt hạn mức, vui lòng [nhấp vào đây](#).

- **FBA fulfillment fees (Phí hoàn thiện đơn hàng)**

FBA thực hiện thu chi phí theo mỗi kiện hàng, tùy thuộc vào kích thước và trọng lượng của sản phẩm. Đầu tiên, bạn cần xác định [phân loại kích thước sản phẩm](#) (kiện nhỏ, kích thước tiêu chuẩn, kiện lớn hay kiện siêu lớn, v.v). Sau khi hiểu phân loại kích thước của sản phẩm, hãy tính toán trọng lượng vận chuyển để ước tính mức phí bạn phải trả.

Để biết thêm chi tiết về các phân loại kích thước, hạn mức phí hoàn thiện đơn hàng và chi tiết thu phí, vui lòng [nhấp vào đây](#)

Nếu cần xem thông tin phí lưu kho và phí hoàn thiện đơn hàng của các thị trường khác, vui lòng đăng nhập vào Seller Central ở thị trường hiện tại của bạn và xem các trang trợ giúp tương ứng.

3.2 Các chi phí khác của FBA

Ngoài các chi phí cơ bản, các hoạt động khác mà bạn thực hiện trong quá trình sử dụng FBA cũng có thể phát sinh thêm các chi phí ngoài hạn mức khác, trước khi thực hiện các nghiệp vụ cụ thể, chúng tôi đề xuất bạn nên tìm hiểu các yếu tố có thể làm tăng chi phí vận hành. Trong phần nội dung này, chúng tôi sẽ giới thiệu tới bạn ba chi phí ngoài hạn mức thường gặp.



- **Removal and disposal fees (Phí loại bỏ hàng)**

Phí loại bỏ/xử lý được tính cho mỗi kiện hàng hóa trong kho được loại bỏ/xử lý. Thông thường, lệnh loại bỏ hàng sẽ được xử lý trong vòng 14 ngày làm việc. Tuy nhiên, trong thời gian cao điểm, có thể mất 30 ngày làm việc trở lên để xử lý loại hàng.

Để biết thêm thông tin liên quan tới phí loại bỏ hàng, nhà bán hàng tại thị trường Bắc Mỹ có thể [nhấp vào đây](#) (thị trường Châu Âu: [nhấp vào đây](#); thị trường Nhật Bản: [nhấp vào đây](#)). Để biết thêm thông tin chi tiết về trọng lượng và kích thước của các sản phẩm tiêu chuẩn và kích thước siêu lớn, vui lòng tham khảo tại [phân loại kích thước sản phẩm](#).

- **Phí xử lý hàng trả lại**

Tỷ lệ trả hàng là tỷ lệ số sản phẩm bị khách hàng trả lại trong vòng 3 tháng kể từ khi vận chuyển (tính theo phần trăm). Ví dụ, đối với mặt hàng vận chuyển vào tháng 6 năm 2024, tỷ lệ trả lại của mặt hàng đó sẽ bằng tỷ lệ các sản phẩm bị trả lại trong tháng 6, 7, 8 năm 2024 (tính theo phần trăm). Phí xử lý hàng trả lại sẽ được Amazon tính theo từng sản phẩm bị hoàn trả. Nếu tỷ lệ trả hàng của sản phẩm vượt quá tỷ lệ trả hàng đã được quy định cho danh mục thì sản phẩm đó sẽ bị tính phí xử lý hàng trả lại. Thời điểm tính phí là từ ngày 7 đến ngày 15 của tháng thứ 3 sau khi sản phẩm được vận chuyển. Khoản phí này sẽ được khấu trừ vào tài khoản của nhà bán hàng. Ví dụ, sản phẩm vận chuyển vào tháng 6 năm 2024 nhưng bị hoàn trả thì sẽ bị tính phí xử lý hàng trả lại vào ngày 7 đến ngày 15 của tháng 9 năm 2024.

Để đảm bảo cân bằng chi phí vận hành và tránh lãng phí, **Amazon sẽ tiến hành thu phí xử lý hàng trả lại đối với các sản phẩm có tỷ lệ trả hàng cao ở tất cả danh mục (trừ quần áo và giày dép).**

Phí xử lý hàng trả lại chỉ áp dụng cho các sản phẩm có tỷ lệ trả hàng cao nhất trong mỗi danh mục. Mức phí xử lý hàng trả lại trung bình hiện tại đối với hàng may mặc và giày dép sẽ không thay đổi.

(Xem trang tiếp theo)

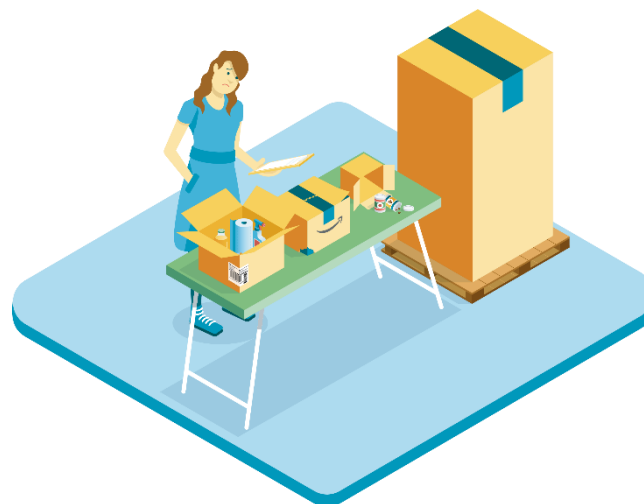
Giảm giá năm 2024 cho mọi mặt hàng được chứng nhận SIPP				
Phân loại kích cỡ	Trọng lượng vận chuyển	Phí xử lý hàng trả lại đối với danh mục quần áo và giày dép (tính trên mỗi đơn vị sản phẩm) (Từ ngày 15 tháng 1 năm 2024)	Trọng lượng vận chuyển	Phí xử lý trả lại hàng đối với tất cả sản phẩm, ngoại trừ quần áo và giày dép (Từ ngày 1 tháng 6 năm 2024)
Hàng tiêu chuẩn cỡ nhỏ	Không quá 4 ounce	1,65 USD	Không quá 2 ounce	1,78 USD
			2 đến 4 ounce (không bao gồm 2 ounce)	1,84 USD
	4 đến 8 ounce (không bao gồm 2 ounce)	1,75 USD	4 đến 6 ounce (không bao gồm 4 ounce)	1,90 USD
			6 đến 8 ounce (không bao gồm 6 ounce)	1,96 USD
	4 đến 6 ounce (không bao gồm 4 ounce)	1,85 USD	8 đến 10 ounce (không bao gồm 8 ounce)	2,02 USD
			10 đến 12 ounce (không bao gồm 10 ounce)	2,08 USD
	6 đến 8 ounce (không bao gồm 6 ounce)	1,95 USD	12 đến 14 ounce (không bao gồm 12 ounce)	2,14 USD
			14 đến 16 ounce (không bao gồm 10 ounce)	2,21 USD
Hàng tiêu chuẩn cỡ lớn	Không quá 4 ounce	2,04 USD	Không quá 4 ounce	2,36 USD
	4 đến 8 ounce (không bao gồm 4 ounce)	2,12 USD	4 đến 8 ounce (không bao gồm 4 ounce)	2,70 USD
	8 đến 12 ounce (không bao gồm 8 ounce)	2,19 USD	8 đến 12 ounce (không bao gồm 8 ounce)	3,05 USD
	12 đến 16 ounce (không bao gồm 12 ounce)	2,27 USD	12 đến 16 ounce (không bao gồm 12 ounce)	3,39 USD
	1 đến 1,5 pound (không bao gồm 1 pound)	2,62 USD	1 đến 1,25 pound (không bao gồm 1 pound)	3,70 USD
			1,25 đến 1,5 pound (không bao gồm 1,25 pound)	4,01 USD
	1,5 đến 2 pound (không bao gồm 1,5 pound)	2,98 USD	1,5 đến 1,75 pound (không bao gồm 1,5 pound)	4,32 USD
			1,75 đến 2 pound (không bao gồm 1,75 pound)	4,63 USD
	2 đến 2,5 pound (không bao gồm 2 pound)	3,33 USD	2 đến 2,25 pound (không bao gồm 2 pound)	4,66 USD
			2,25 đến 2,5 pound (không bao gồm 2,25 pound)	4,68 USD
	2,5 đến 3 pound (không bao gồm 2,5 pound)	3,69 USD	2,5 đến 2,75 pound (không bao gồm 2,5 pound)	4,71 USD
			2,75 đến 3 pound (không bao gồm 2,75 pound)	4,73 USD
3 đến 20 pound (không bao gồm 3 pound)	3,89 USD + 0,10 USD cho mỗi 4 ounce tăng thêm khi vượt quá 3 pound đầu tiên	3 đến 20 pound (không bao gồm 3 pound)	5,00 USD + 0,05 USD cho mỗi 4 ounce tăng thêm khi vượt quá 3 pound đầu tiên	
Hàng kích thước lớn	0 đến 50 pound	6,74 USD + 0,32 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên	0 đến 50 pound	6,74 USD + 0,32 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên
Hàng cực lớn	0 đến 50 pound	26,33 USD + 0,38 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên	0 đến 50 pound	26,33 USD + 0,38 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá pound đầu tiên
	50 đến 70 pound (không bao gồm 50 pound)	40,12 USD + 0,75 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 51 pound đầu tiên	50 đến 70 pound (Không bao gồm 50 pound)	40,12 USD + 0,75 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 51 pound đầu tiên
	70 đến 150 pound (không bao gồm 70 pound)	52,45 USD + 0,75 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 71 pound đầu tiên	70 đến 150 pound (Không bao gồm 70 pound)	52,45 USD + 0,75 USD cho mỗi pound khi vượt quá 71 pound đầu tiên
	150 pound trở lên (không bao gồm 150 pound)	157,35 USD + 0,19 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 151 pound đầu tiên	Trên 150 pound (Không bao gồm 150 pound)	157,35 USD + 0,19 USD cho mỗi pound tăng thêm khi vượt quá 151 pound đầu tiên

• Phí dịch vụ ngoài chương trình

Nếu bạn tuân thủ các yêu cầu về đóng gói và xử lý trước của FBA, cũng như các yêu cầu về vận chuyển và định tuyến, Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon có thể thu nhận và lưu trữ hàng lưu kho của bạn một cách hiệu quả và chính xác.

Nếu có sự cố xảy ra với việc tiếp nhận hàng lưu kho của Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon, Amazon sẽ thực hiện các dịch vụ ngoài chương trình để nhập thành công sản phẩm vào kho có thể tiếp tục bán ra của bạn và bạn sẽ chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan. Amazon sẽ báo cáo vấn đề nhập kho của bạn theo nhóm vấn đề. Nếu các vấn đề tương tự xảy ra liên tục, Amazon sẽ nâng cấp cấp độ hướng dẫn dành cho bạn.

Vui lòng tham khảo danh mục **Các vấn đề về nhập kho** (đối với nhà bán hàng hàng tại thị trường Hoa Kỳ, vui lòng [tham khảo tại đây](#); nhà bán hàng hàng tại thị trường Châu Âu, vui lòng [tham khảo tại đây](#); nhà bán hàng hàng tại thị trường Nhật Bản, vui lòng [tham khảo tại đây](#)) để tìm hiểu thêm về các vấn đề có thể xảy ra với các kiện hàng do Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon tiếp nhận và các loại biện pháp cần thực hiện trong tương lai để tránh phát sinh những vấn đề này.



Để biết thêm thông tin chi tiết liên quan tới các dịch vụ ngoài chương trình chung, nhà bán hàng trên thị trường Hoa Kỳ có thể [nhấp vào đây](#); nhà bán hàng tại thị trường Châu Âu có thể [nhấp vào đây](#); nhà bán hàng tại thị trường Nhật Bản có thể [nhấp vào đây](#).

Lưu ý:

Việc hướng dẫn các dịch vụ ngoài chương trình hoặc quá trình xử lý trước sản phẩm sẽ chiếm dụng một lượng tài nguyên định của Amazon. Nếu các vấn đề trong cùng một nhóm vấn đề¹ thường xuyên tái diễn trong các sản phẩm bạn gửi đến Amazon, Amazon sẽ nâng cấp hướng dẫn dành cho bạn² (tiêu chuẩn, nâng cấp, quan trọng) khi theo tình hình thực tế. Mức độ của cấp độ hướng dẫn có liên quan đến tổng mức chi phí dịch vụ ngoài kế hoạch.

1. Nhóm vấn đề: Amazon chia các vấn đề có thể xảy ra trong quá trình nhập kho hàng hóa thành nhiều nhóm vấn đề, bao gồm các nhóm vấn đề liên quan đến sản phẩm, liên quan đến bao bì đóng gói, liên quan đến pallet và các loại hình khác.
2. Cấp độ hướng dẫn: Khi xảy ra vấn đề hoặc vấn đề tồn tại sẵn trong số hàng hóa bạn được giao tới đến Amazon, Amazon sẽ cung cấp cho bạn các đề xuất hướng dẫn dựa trên nhóm vấn đề được phân loại cho lô hàng của bạn và phân chia cấp độ hướng dẫn phù hợp với bạn.

3.3 Dịch vụ trả phí tùy chọn FBA

Ngoài những khoản chi phí cơ bản, bạn sẽ trải qua nhiều khâu khác trong quá trình sử dụng FBA, nhằm giúp bạn đơn giản hóa quy trình hoạt động, FBA sẽ cung cấp dịch vụ trả phí từng khâu này và bạn có thể lựa chọn sử dụng theo nhu cầu. Dưới đây chúng tôi sẽ giới thiệu chi tiết những hạng mục dịch vụ FBA và các hạng dịch khác cùng các tiêu chuẩn tính phí tương ứng.



- **FBA Prep Service (Dịch vụ xử lý trước FBA)**

Hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon (FBA) có các **yêu cầu về đóng gói và xử lý trước** đối với các sản phẩm bạn vận chuyển và lưu trữ trong Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon, nhà bán hàng tại thị trường Hoa Kỳ có thể [nhấp vào đây](#) để xem; nhà bán hàng tại thị trường Châu Âu có thể [nhấp vào đây](#) để xem; nhà bán hàng thị trường Nhật Bản có thể [nhấp vào đây](#) để xem.

Việc đóng gói và xử lý trước sản phẩm thích hợp có thể giúp giảm tình trạng chậm trễ về thời gian tiếp nhận sản phẩm, bảo vệ sản phẩm trong khi quá trình lưu kho tại Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon và tạo ra trải nghiệm tốt hơn cho người mua. Bạn có thể sử dụng các dịch vụ xử lý trước của FBA để cho phép Amazon cung cấp các dịch vụ đóng gói và xử lý trước phù hợp với các sản phẩm của bạn nhằm giúp giảm bớt các thao tác hoàn thiện đơn hàng. Phí dịch vụ xử lý trước FBA được tính **dựa trên phân loại xử lý trước và phân loại kích thước của sản phẩm phù hợp với yêu cầu**.

Để biết tìm hiểu sâu thêm về cách thức kích hoạt dịch vụ xử lý trước, cũng như các bước tiến hành và chi tiết dịch vụ xử lý trước khác, nhà bán hàng tại thị trường Hoa Kỳ, vui lòng [nhấp vào đây](#) để xem chi tiết; nhà bán hàng tại thị trường Châu Âu, vui lòng [nhấp vào đây](#) để xem chi tiết; nhà bán hàng tại thị trường Nhật Bản, vui lòng [nhấp vào đây](#) để xem chi tiết.



- **FBA Label Service (Dịch vụ dán nhãn FBA)**

Tất cả các sản phẩm đều bắt buộc phải có nhãn có thể quét được và phải đảm bảo rằng nhãn vẫn có thể phân biệt rõ ràng sau quá trình xử lý trước sản phẩm. Đối với các sản phẩm yêu cầu sử dụng mã vạch Amazon phù hợp với các yêu cầu, FBA có thể dán các mã vạch thay cho bạn và tính phí cho từng mặt hàng. Tuy nhiên, dịch vụ dán nhãn trong dịch vụ xử lý trước là không bắt buộc, bạn cũng có thể tự tiến hành xử lý nhãn sản phẩm và lựa chọn không trả phần phí này.

Dịch vụ nhãn FBA tùy chọn tính phí 0,55 USD cho mỗi kiện hàng.

Để biết thêm các quy định chi tiết liên quan tới loại hình hàng hóa, điều kiện điều khoản về dịch vụ dán nhãn, nhà bán hàng tại thị trường Hoa Kỳ có thể [nhấp vào đây](#) để xem; nhà bán hàng tại thị trường Châu Âu có thể [nhấp vào đây](#) để xem; nhà bán hàng tại thị trường Nhật Bản có thể [nhấp vào đây](#) để xem chi tiết.

- **FBA manual processing fee (Dịch vụ xử lý thủ công FBA)**

Đối với mỗi thùng hàng bạn gửi đến Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon, cần cung cấp thông tin chính xác về nội dung của thùng hàng để đảm bảo rằng Amazon có thể nhận được sản phẩm của bạn nhanh chóng và chính xác.

Nếu bạn lựa chọn không cung cấp thông tin về sản phẩm trong thùng, thì Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon kinh doanh Amazon sẽ xử lý thủ công thùng hàng của bạn, và sẽ phát sinh chi phí tương ứng. So với các kiện hàng có cung cấp thông tin về các mặt hàng trong hộp, việc xử lý thủ công các lô hàng chậm hơn tương đối nhiều.



Lưu ý:

- Phí xử lý thủ công FBA thay đổi tùy thuộc vào khoảng thời gian khác nhau.
- Khoản phí này sẽ được tính sau 14 ngày kể từ khi Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon nhận được mặt hàng đầu tiên trong kiện hàng của bạn, phí được tính bao gồm các mặt hàng nhận được trước ngày tính phí, nếu kiện hàng của bạn có các mặt hàng được giao tới Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon sau ngày tính phí, phí tương ứng sẽ được tính cho chu kỳ 14 ngày tiếp sau đó. Điều này có nghĩa là bạn xem trước tỷ lệ thu phí của bạn có thể khác với tỷ lệ thu phí thực tế áp dụng.

- **FBA Inventory Placement Service (Dịch phân phối hàng lưu kho)**

Khi lên kế hoạch nhập kho, hàng có thể được chia thành nhiều kiện và được gửi đến các Trung tâm hoàn thiện đơn hàng khác nhau của Amazon. Sử dụng dịch vụ hoàn thiện đơn hàng hàng lưu kho, bạn có thể gửi tất cả hàng tồn đến một Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon, Amazon sẽ hỗ trợ phân phối. Dịch vụ này được tính phí theo từng kiện.

Để biết thêm thông tin về hướng dẫn thao tác, các danh mục ngoại lệ và trường hợp áp dụng các sản phẩm đóng gói ban đầu, nhà bán hàng tại thị trường Hoa Kỳ có thể [nhấp vào đây](#) để xem; nhà bán hàng tại thị trường Nhật Bản có thể [nhấp vào đây](#) để xem; nhà bán hàng tại thị trường Châu Âu có thể tham khảo tại [dịch vụ tích hợp Châu Âu FBA](#) và [hàng lưu kho đa quốc gia](#).



- **FBA repackaging and refurbishment services (Dịch vụ đóng gói lại và dịch vụ tân trang của FBA)**

- **FBA repackaging services (Dịch vụ đóng gói lại)**

FBA sẽ đóng gói lại các sản phẩm do người mua phù hợp điều kiện trả lại để chúng có thể được bán dưới dạng sản phẩm mới. Dịch vụ này áp dụng cho các **sản phẩm bán lẻ và các sản phẩm bị trả lại FBA** và hơn nữa không thể tắt trong cài đặt của bạn.

- Amazon sẽ đánh giá từng sản phẩm được trả lại để xác định xem sản phẩm đó có thể thực hiện đóng gói lại hay không.
- Đóng gói lại bao gồm thay thế túi nhựa polyetylen hoặc bao bì màng xốp bóng khí, hoặc đóng gói lại thùng hàng. Nghiệp vụ cũng bao gồm đóng gói lại các thùng hộp (có thương hiệu và không có thương hiệu) và túi nhựa polyethylene.

- **FBA repackaging (Dịch vụ tân trang)**

Amazon cung cấp các dịch vụ đóng gói khác thông qua các thao tác tân trang tùy chọn. FBA sẽ đánh giá tình trạng của hàng hóa và cung cấp các dịch vụ đóng gói lại, làm sạch hoặc sắp xếp lại (chẳng hạn như đóng gói túi nhựa, đóng gói màng xốp bóng khí, đóng vào hộp hoặc đánh bóng).

Để biết thêm thông tin về tiêu chuẩn hoặc chính sách của các dịch vụ đóng gói và tân trang lại, nhà bán hàng tại thị trường Hoa Kỳ có thể [nhấp vào đây](#) để xem; nhà bán hàng tại thị trường Châu Âu có thể [nhấp vào đây](#) để xem; thị trường Nhật Bản tạm thời không có thông tin liên quan.



3.4 FBA Revenue Calculator (Công cụ tính chi phí FBA)

Sau khi đăng nhập vào Amazon Seller Central, bạn có thể sử dụng chức năng máy tính thu nhập FBA để ước tính chi phí cụ thể dựa trên thông tin liên quan của các sản phẩm được bán trên Amazon.

Cổng vào Amazon thị trường Hoa Kỳ: [Máy tính thu nhập FBA](#)

Cổng vào Amazon thị trường Châu Âu: [Máy tính thu nhập FBA](#)

Cổng vào Amazon thị trường Nhật Bản: [Máy tính thu nhập FBA](#)

The screenshot displays the Amazon Seller Central interface for the FBA Revenue Calculator. At the top, there is a navigation bar with the Amazon Seller Central logo and various menu items. Below the navigation bar, there is a search bar and a language selector set to 'Tiếng Việt'. The main content area features a 'Fulfillment by Amazon Revenue Calculator' section. This section includes a disclaimer, a notice about the calculator's retirement, and a starting date for a 5% fuel and inflation surcharge. The calculator form allows users to find a product on Amazon.com or estimate for a new product. It includes fields for ASIN or keyword, product name, UPC, EAN, ISBN, or ASIN, product dimensions (length, width, height), unit weight, and product category. An 'Estimate' button is provided to calculate the results. Below the form, there is a table with columns for Revenue, Cost, Seller proceeds, and Net profit. The table is currently empty, showing only the column headers.

4. Giải thích từ ngữ trong chương

Thuật ngữ	Giải thích
FBA	Tên đầy đủ là Fulfillment By Amazon, có thể cung cấp các dịch vụ kho bãi, phân loại giao hàng, đóng gói, hoàn thiện đơn hàng, thu tiền, dịch vụ khách hàng và dịch vụ đổi trả hàng với tiêu chuẩn áp dụng cao, đồng thời cung cấp cho bạn "giải pháp một cửa" thực sự.
Hệ thống hoàn thiện đơn hàng chặng đầu	Đề cập đến việc nhà bán hàng xuyên quốc gia vận chuyển hàng hóa từ Việt Nam tới nơi cần đến.
Hội viên Amazon Prime	Là một chế độ thành viên trả phí. Người mua là thành viên Prime có thể hưởng trải nghiệm mua sắm và hoàn thiện đơn hàng chất lượng, cũng như các lợi ích độc quyền như giảm giá thành viên và ngày hội thành viên v.v.
Xử lý trước	Trước khi gửi hàng đến Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon, bạn cần tiến hành ban đầu sản phẩm, các bước bao gồm đóng gói sản phẩm/kiện hàng, dán nhãn sản phẩm/kiện hàng/pallet v.v.
Phí xử lý trọng lượng	Là chỉ các khoản phí tương ứng được tính dựa trên thể tích và trọng lượng của sản phẩm. Amazon tính khối lượng thể tích bằng cách chia thể tích sản phẩm (dài x rộng x cao, tính theo đơn vị inch) cho 139.
Phân loại kích thước sản phẩm	Amazon căn cứ theo trọng lượng và kích thước của sản phẩm sau khi đóng gói để chia hàng hóa thành kiện tiêu chuẩn và kiện lớn, đồng thời xây dựng các tiêu chuẩn tính phí liên quan theo phân loại kích thước.
Hàng nguy hiểm	Còn được gọi là vật phẩm nguy hiểm, viết tắt là Hazmat. Đề cập đến các chất hoặc vật liệu có nguy cơ đe dọa sức khỏe con người, an toàn, tài sản hoặc môi trường trong quá trình lưu trữ, xử lý hoặc vận chuyển vì chúng có chứa chất dễ cháy, nén, ăn mòn hoặc bất kỳ chất độc hại nào khác. Có thể bao gồm nhiều sản phẩm tiêu dùng như nước hoa, mỹ phẩm làm đẹp, chất tẩy rửa gia dụng và sơn xịt v.v.
Thể tích trung bình ngày	Là không gian trung bình ngày mà hàng lưu kho chiếm dụng trong một tháng, công thức tính là chiều dài x chiều rộng x chiều cao chia cho số ngày trong tháng.
Phí lưu kho dài hạn	LTSF, tên đầy đủ là Long-term Storage Fees. Phí lưu trữ hàng lưu kho dài hạn được ước tính dựa trên thời gian Trung tâm hoàn thiện đơn hàng bởi Amazon nhận hàng, đối với hàng hóa được lưu trữ trên 365 ngày, phí lưu trữ hàng lưu kho dài hạn được yêu cầu thanh toán hàng tháng.
Nhóm vấn đề	Amazon chia các vấn đề có thể xảy ra trong quá trình nhập kho hàng hóa thành nhiều nhóm vấn đề, bao gồm các nhóm vấn đề liên quan đến sản phẩm, liên quan đến bao bì đóng gói, liên quan đến pallet và các loại hình khác.
Cấp độ hướng dẫn	Cấp độ hướng dẫn: Khi xảy ra vấn đề hoặc vấn đề tồn tại sẵn trong số hàng hóa bạn được giao tới đến Amazon, Amazon sẽ cung cấp cho bạn các đề xuất hướng dẫn dựa trên nhóm vấn đề được phân loại cho lô hàng của bạn và phân chia cấp độ hướng dẫn phù hợp với bạn.